

3V

G90

Tiếng Việt

2

TẬP HAI



TIẾNG VIỆT

LỚP HAI — TẬP HAI

Biên soạn:

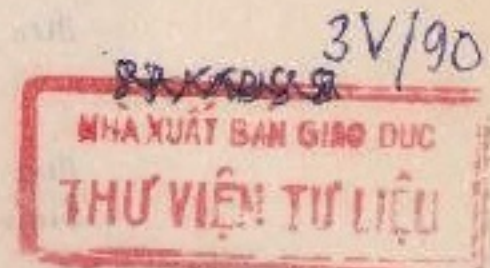
TRINH MẠNH

ĐINH TẤN KỶ

ĐỖ QUANG LƯU

(In lần thứ 4)

thuongmaitruongxua.vn



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC — 1985

thuongmaitruongxua.vn



Thiếu nhi

Biên soạn: TRỊNH MẠNH
ĐINH TẤN KỶ
ĐỖ QUANG LƯU
Biên tập: NGUYỄN CỎ
Biên và minh họa: LÊ TẤT LỢI
PHẠM VĂN QUANG
NGÔ BÌNH THIÊM
Biên tập mỹ thuật: QUỐC VÂN
Trình bày: BÙI CHÍ HIẾU

1. CÂU CHUYỆN BÓ DỪA



Ngày xưa có một ông già sinh được bốn người con. Một hôm, ông đem một bó dừa và một túi tiền trên bàn rồi gọi các con lại và bảo:

– Trong các con, ai bẻ gãy được bó dừa này thì cha thưởng cho túi tiền.

Các người con lần lượt bẻ, ai cũng cố hết sức mà không sao bẻ gãy được bó dừa.

Ông già bèn cởi bó dừa ra, rồi bẻ gãy từng chiếc một cách dễ dàng.

Bốn người con cùng nói:

– Thưa cha, lấy từng chiếc mà bẻ thì có khó gì!

Ông già liền bảo:

– Đúng! Như thế là các con đều thấy rằng chia lẻ ra thì yếu, hợp lại thì mạnh. Vậy các con phải biết hợp quần và dùm bọc lấy nhau. Có hợp quần thì mới có sức mạnh.

Truyện ngụ ngôn Việt Nam

– Hợp quần: hợp lại với nhau thành một khối vững chắc, đoàn kết chặt chẽ với nhau.

★ 1. Một chiếc dừa, một đọt dừa, một bó dừa có gì khác nhau?

2. Tại sao bốn người con không ai bẻ gãy được bó dừa?

3. Ông già bẻ gãy bó dừa bằng cách nào?

4. Bài này khuyên ta điều gì?

5. « Ông già » là một từ chỉ người. Em hãy tìm một số từ khác chỉ người.

2. HÒN DÁ TO (Học thuộc lòng)

Hòn đá to
Hòn đá nặng
Chỉ một người
Nhắc khôngặng.

Hòn đá nặng
Hòn đá bền
Chỉ ít người
Nhắc không lên.

Hòn đá to
Hòn đá nặng
Nhiều người nhắc
Nhắc lên dặng.

Biết đồng sức
Biết đồng lòng,
Việc gì khó
Làm cũng xong.

BÁC HỒ



— Đồng: được.

★ 1. Bài thơ nói: «Chỉ một người», «Chỉ ít người», và «nhiều người»: Số người nói như thế có gì khác nhau? (cho ví dụ).

2. Số người như thế nào thì nhắc được hòn đá to lên? Tại sao nhắc được?

3. Em hiểu thế nào là «đồng sức», «đồng lòng»? Cho ví dụ một công việc cần phải có nhiều người đồng sức, đồng lòng mới làm được?

4. Trong bài này, Bác Hồ khuyên chúng ta điều gì?

5. «Hòn đá» là từ chỉ vật. Em hãy tìm một số từ chỉ các vật khác.

thuongmaitruongxua.vn KHÔNG SỐNG RIÊNG LẺ

Hễ kiếm được mồi
Kiến tha về tổ,
Xếp cùng một chỗ
Làm của cải chung,
Tới khi đói lòng
Cùng ăn vui sướng.
Từ quân đến tướng
Một dạ như nhau
Chẳng thấy ở đâu
Kiến sống riêng lẻ.

NAM HƯƠNG



- ★ 1. Khi kiếm được mồi, kiến làm gì?
2. Đàn kiến có tính tốt gì?
3. Em hãy tìm một từ khác thay cho từ «đó» trong câu «Một đạ như nhau».
4. Trái nghĩa với «sống riêng lẻ» là gì?
5. «Kiến» là một từ chỉ loài vật. Em hãy tìm một số từ khác chỉ các loài vật.

4. XE LƯ VÀ XE CA (Bài đọc thêm)

Xe lư và xe ca cùng đi trên đường với nhau.
Thấy xe lư đi chậm, xe ca chế:

— Cầu đi như con rùa ấy! Xem tờ đây này!

Nói rồi, xe ca phóng vụt lên, bỏ xe lư ở tít đằng sau. Xe ca tưởng mình thế là giỏi lắm.

Tới một quãng đường bị hồng, xe ca phải đỗ lại vì lầy lội quá. Bấy giờ xe lư mới tiến lên. Khi đám đá học và đá cuội ngồn ngàng đổ xuống, xe lư liền lăn qua lăn lại cho phẳng lì. Nhờ vậy mà xe ca mới tiếp tục lên đường.

Từ đây, xe ca không chế giễu xe lư nữa. Xe ca đã hiểu rằng: công việc của xe lư là như vậy.

PHONG THU

CHÍNH TẢ

Bài 1. Chính tả (nghe đọc): Câu chuyện bó dũa.

1. Bài viết: «Một hôm, ông dề... gậy được bó dũa».

2. Viết đúng:

- chuyện, túi, gậy.
- rồi, này — lần lượt — dũa, bẻ.

3. Luyện tập:

a) Ghép chữ rời đọc lên:

- Ghép chữ túi vào các chữ: áo, quần, gậy.
- Ghép chữ gậy vào các chữ: bó, gọn.

b) Điền vào chỗ trống:

- Xưa hay xưa: chuyện đời...; say... nghe chuyện.
- Lượt hay lược: năm lần bảy...; cái... chải đầu.

c) Đặt dưới những chữ có dấu ngã trong bài chính tả.

Bài 2. Tập chép (nhìn bảng): Không sống riêng lẻ.

1. Bài chép: cả bài.

2. Viết đúng:

- Riêng, kiếm, sướng.
- Xếp, chung — vui — hễ, lẽ.

3. Luyện tập:

a) Điền vào chỗ trống:

- Sướng hay sướng: vui..., sung...; ...ca, ...âm.
- Hễ hay hễ: ...hà, ...ăn là nhớ đến em.

b) Tìm trong bài chính tả rồi viết ra:

- Những chữ có *tê*.
- Những chữ có *ơ*.

TỪ NGỮ

1. Đọc nhật ĐOÀN KẾT

I — Những từ ngữ cần ghi nhớ:

- Bạn học, tình bạn, tập thể.
- Đoàn kết, gắn bó.
- Thành ngữ: Đồng sức đồng lòng, một lòng một dạ.

II — Bài tập

Tìm từ ngữ thích hợp ở trên để điền vào những chỗ trống:

1. Các bạn Xuân, Phong, Thu, Hải và em cùng học với nhau một lớp, nên chúng em đều là..... của nhau. Ở lớp cũng như ở nhà, chúng em luôn luôn..... với nhau, cùng giúp đỡ nhau tiến bộ. Mỗi..... giữa chúng em ngày càng thêm.....

2. (Dành cho học sinh khá và giỏi):

Bác Hồ dạy: Việc gì khó mà biết..... thì việc khó mấy cũng làm xong. Trong một..... mà mọi người không..... thì dù việc dễ cũng không làm được đến nơi đến chốn.

NGỮ PHÁP

DANH TỪ

1. Tìm những từ chỉ người trong bài « Câu chuyện bó dứa ».

2. Em hãy kể thêm những từ khác chỉ người mà em biết. Ví dụ: em bé, cô giáo...

3. Trong bài « Không sống riêng lẻ », từ nào chỉ loài vật?

4. Em hãy kể một số con vật nuôi trong nhà.

Những từ chỉ người, chỉ loài vật gọi là danh từ.

TẬP LÀM VĂN

TRẢ LỜI CÂU HỎI

Đề bài: Câu chuyện bó dứa.

Câu hỏi:

1. Ông già bảo các con thế nào?
2. Bốn người con làm gì? Kết quả ra sao?
3. Ông già dùng cách gì để bẻ gãy bó dứa một cách dễ dàng?
4. Chuyện này khuyên ta điều gì?

TUẦN LỄ THỨ 19

5. TRÊN ĐƯỜNG ĐẾN NHÀ LAO



Bầu trời Côn Đảo trong buổi bình minh rất đẹp. Con đường từ Bến Đầm đến nhà lao uốn quanh bờ biển, men theo triền núi, bên trên là cây cối um tùm, bên dưới là sông trắng vỗ

bờ đá dựng. Trên cành cây, chim kêu riu rít. Chị Sáu như say sưa với cảnh tự nhiên. Chị hát theo một con chim hót. Chị rướn đôi tay bị còng chụp một con bướm bay qua. Chị chẳng để ý gì đến bọn lính với súng gươm tua tủa ở xung quanh mình.

Theo LÊ QUANG VIỆT

- Trên núi: dài dặt ở lưng chừng núi.
- Tua tủa: đâm ra mọi phía.

★ 1. Côn Đảo trong buổi bình minh đẹp như thế nào? (con đường, cây cối, sông, chim).

2. Những câu nào, những từ nào cho em biết chị Sáu chẳng sợ sệt gì cả? Điều đó chứng tỏ chị Sáu có đức tính gì đáng quý?

3. Tìm một từ gần nghĩa với từ «nhà lao».

4. Tìm trong bài một từ chỉ người, một từ chỉ loài vật và một từ chỉ cây cối.

6. CHÚ BÉ LIÊN LẠC

(Học thuộc lòng)

Chú bé loắt choắt	Ca lô đội lệch
Cái xác xinh xinh	Mồm huýt sáo vang
Cái chân thoăn thoắt	Như con chim chích
Cái đầu nghênh nghênh.	Nhảy trên đường vàng...

Vút qua mặt trận Đường quê vắng vẻ
 Đan bay vèo vèo Lúa trổ đồng dòng
 Thưa đề «Thượng khàn» Ca lô chú bé
 Sợ chi hiểm nghèo? Nhấp nhò trên đồng...

Tết TÔ-HỮU



- Loát choát: bé nhỏ.
- Ca lô: một loại mũ vải (hoặc da...) không vành có hai đầu nhọn.
- Thượng khàn: rất cần kíp, rất gấp.

★ 1. Hình dáng chú bé liên lạc có gì đáng yêu? (khô 1 và 2).

2. Chú bé rất gan dạ. Những từ nào nói lên điều đó?

3. Chú bé liên lạc thường làm những công việc gì?

4. Tìm những từ láy trong bài (Ví dụ: loát choát, xinh xinh).

5. «Xác» là từ chỉ đồ vật. Em hãy tìm các từ chỉ đồ vật khác trong bài.

7. AI CÁN ĐẢM?

- Bây giờ thì mình không sợ gì hết! - Hùng vừa nói vừa giơ khẩu súng lục bằng nhựa ra khoe.

- Mình cũng vậy, mình không sợ gì hết! - Thắng vừa nói vừa vung thanh kiếm gỗ lên.

Tiến chưa kịp nói gì thì một đàn ngỗng đi vào sân. Chúng vươn dài cổ, kêu quàng quạc, chúi mỏ về phía trước, định dớp bọn trẻ.

Hùng rút vội khẩu súng vào túi quần và chạy biến. Thắng tưởng đàn ngỗng đến giật kiếm của mình, mồm meo máo, nấp vào sau lưng Tiến.

Tiến không có súng, cũng chẳng có kiếm. Em liền nhặt một cành xoan, xua đàn ngỗng ra xa. Đàn ngỗng kêu quang quác, cò vươn dài, chạy miết.

NHỊ HÀ phỏng dịch



— Đốp: há miệng (mò) ngoạm thật nhanh.

★ 1. Vì sao Hùng và Thăng thoát đầu đuôi tở y không sợ sệt gì cả?

2. Khi thấy đàn ngỗng chúi mỏ về phía trước, định đốp bọn trẻ, hai bạn ấy làm gì?

3. Ai mới thật sự là người can đảm ở đây? Vì sao em biết?

4. Tìm từ trái nghĩa với từ « can đảm ».

5. Tìm một từ chỉ loài vật, một từ chỉ cây cối và hai từ chỉ đồ vật trong bài.

8. LÀM CÁCH NÀO DỄ HƠN?

(Bài đọc thêm)

Ba cậu bé rủ nhau vào rừng. Trong rừng có nấm, có quả rừng, lại có đủ các thứ chim. Ba cậu mãi chơi nên không để ý là trời đã về chiều, sắp tối. Về bây giờ thì sợ lắm!

Cả ba cố nghĩ ngợi tìm xem cách nào dễ hơn: nói dối hay là thú thật?

Cậu thứ nhất nói:

— Tớ sẽ nói dối là bị chó sói đuổi ở trong rừng. Bố tớ phát hoảng lên và thế là thôi không mắng nữa.

Cậu thứ hai nói:

— Tớ sẽ nói là đang đi đường thì gặp ông ngoại. Mẹ tớ sẽ vui và cũng không mắng tớ.

Cậu thứ ba nói:

— Còn mình thì mình sẽ nói thật, vì nói thật thì chẳng cần phải nghĩ tìm cách này hay cách khác.



Thế rồi ba cậu bé chia tay nhau về nhà. Cậu thứ nhất vừa nói với bố xong thì đúng lúc bác coi rừng đến chơi. Bác nói:

— Không, trong rừng này làm gì có chó sói.

Người cha bực tức vô cùng. Vì tội đi chơi về muộn cũng đủ tức lắm rồi, vậy mà lại còn nói dối nữa nên tức lên gấp đôi.

Cậu thứ hai đang nói với mẹ là đi đường gặp ông ngoại thì vừa lúc ông ngoại bước vào.

Bà mẹ cũng bực tức vô cùng. Vì tội đi chơi về muộn cũng đủ tức lắm rồi, vậy mà lại còn nói dối nữa nên tức lên gấp đôi.

Còn cậu thứ ba, vừa về đến nhà, đã nhận lỗi ngay từ cửa. Bố cậu chỉ cần dặn một câu và hoàn toàn tha thứ cho cậu.

TRẦN CAO THỤY phỏng dịch.

CHÍNH TẢ

Bài 1. Chính tả (nghe đọc): Trên đường đến nhà lao.

1. **Bat viết:** «Bầu trời... tự nhiên».

2. **Viết đúng:**

— Côn Đảo, Bến Đầm, chị Sáu.

— triền, say sưa — uốn, riu rít — vô.

3. **Luyện tập:**

a) **Viết lại** các từ chỉ tên riêng trong bài.

b) **Điền vào chỗ trống:**

— **Trên** hay **chiền**: núi, chiêm.

— **Say** hay **xay**: thóc mè.

— **Uốn** hay **uống**: éo, cong, nước.

— **V3** hay **vô**: tay, sông, răng

Bài 2. Chính tả (trí nhớ): Hòn đá to.

1. **Bat viết:** cả bài.

2. **Viết đúng:**

— Nhắc, người, nhiều.

— Nặng, lên — dặng, việc — chỉ.

3. **Luyện tập:**

a) **Điền vào chỗ trống:**

— **Nhắc** hay **nhắc**: hòn đá lên; nhớ em học bài.

— **Nặng** hay **lặng**: hòn đá ..., im ..., việc ... nhọc.

b) **Viết câu ngắn:**

— Câu có chữ **nhắc**.

— Câu có chữ **nhắc**.

TỪ NGỮ

Thiếu nhi DŨNG CẢM

I. Những từ ngữ cần ghi nhớ:

— Chú bé liên lạc, mặt trận, súng đạn, nhà lao.

— Gian khổ, hiểm nghèo, can đảm.

II. Bài tập:

1. **Tìm từ ngữ** thích hợp điền vào những chỗ trống: Anh Kim Đồng là một rất Tuy không chiến đấu ở nhưng nhiều khi đi liên lạc anh cũng gặp những lúc hết sức Năm 15 tuổi, anh đã ngã xuống vì của giặc, nhưng tấm gương sáng của anh vẫn còn mãi mãi.

Chị Võ Thị Sáu năm 14 tuổi đã là một chiến sĩ công an rất gan dạ. Hoạt động trong hoàn cảnh vô cùng...., chị vẫn luôn miệng ca hát. Giặc bắt được chị, nhưng.... và công xịch của chúng cũng không làm cho chị khiếp sợ.

2. Tìm một số từ gần nghĩa với từ: can đảm.

NGŨ PHÁP

DANH TỪ (tiếp theo)

1. Em tìm những từ chỉ cây cối trong các bài «Trên đường đến nhà lao» và «Chú bé liên lạc».

2. Em kể một số từ chỉ cây cối, hoa quả mà em biết.

3. Trong bài «Chú bé liên lạc» những từ nào chỉ đồ vật?

4. Em hãy kể một số từ chỉ đồ vật dùng trong nhà (ví dụ: bàn, ghế, giường...).

Những từ chỉ cây cối, hoa quả, đồ vật cũng gọi là danh từ.

TẬP LÀM VĂN

TRẢ LỜI CÂU HỎI

Đề bài: Trên đường đến nhà lao.

Câu hỏi:

1. Bầu trời trong buổi bình minh ở Côn Đảo như thế nào?

2. Con đường từ Bến Đầm đến nhà lao có gì đẹp?

3. Trên cành cây có tiếng gì vui?

4. Trước cảnh đẹp tự nhiên, chị Sáu đã làm gì?

TUẦN LỄ THỨ 20

9. TỦ SÁCH CỦA BẠN SẮC

Sắc rất mê sách. Những món tiền cậu dành dụm được đều đi vào cửa hàng bán sách. Bố cậu mua cho cậu một cái giá nhiều tầng bằng gỗ thông, có rèm xanh. Khi kéo rèm lên, tôi thấy ba hàng sách hiện ra rất có thứ tự. Sách gồm nhiều loại: truyện thiếu nhi, truyện khoa học, thơ...

Sắc rất chăm đọc sách. Có nhìn cậu giờ sách với những ngón tay rất nhẹ nhàng, mới thấy cậu yêu sách như thế nào. Mỗi quyển sách mua được đem lại cho cậu một niềm vui thích. Đọc xong cậu còn vuốt ve, ngắm nghía quyển sách rồi mới xếp vào giá như cất đi một cửa báu.

Theo AMIXI

— Cửa báu: cửa quý, đồ quý.

★ 1. Sắc thường dùng tiền của mình để làm gì?

2. Giá sách của Sắc có những nét gì đặc biệt?

3. Những câu nào, từ nào cho biết bạn Sắc yêu quý sách của mình?

4. Vì sao bạn Sắc lại yêu quý sách như vậy?

5. Đặt câu với mỗi từ sau đây: dành dụm, tranh giành.

10. TRĂNG SAO CÙNG HÓA XỬ NGƯỜI

(Học thuộc lòng)



Anh em ơi! Ta tới trăng rồi!
Trăng sao cùng hóa xử người từ đây.
Trạm đầu vũ trụ xinh thay
Nửa quen nửa lạ đặt ngay cờ hồng.

Mẹ ơi! mua cơm, mua hồng,
Mua con cá chép lượn vòng con chơi.
Trăng cao, trăng đẹp, trăng ngồi,
Mua tàu vũ trụ con ngồi lên trăng.

HUY CẬN

— Bài này nói về việc Liên Xô lần đầu tiên đã phóng con tàu vũ trụ và đặt quốc huy có cờ đỏ búa liềm xuống mặt trăng.

— Vũ trụ: chỉ bầu trời và toàn bộ các trăng, sao.

★ 1. Tại sao lại nói «Trăng sao cùng hóa xử người từ đây.»?

2. «Trạm đầu vũ trụ» chỉ mặt trăng. Vì sao mặt trăng được coi là «trạm đầu vũ trụ»? (xem chú giải)

3. Các em nhỏ thường được mẹ mua cơm, mua hồng, mua đèn «cá chép» vào dịp nào trong năm? Để làm gì?

4. Năm nay, em bé trong bài còn đòi mẹ mua thêm gì nữa? Để làm gì?

5. Tìm một từ ghép trong đó có tiếng «ngồi».

11. BỐC LỊCH

Em cầm tờ lịch cũ

— Ngày hôm qua đâu rồi?

Ra ngoài sân hỏi bố

Xoa đầu em, bố cười:

– Ngày hôm qua ở lại
Trên cánh hoa trong vườn
Nụ hồng lớn thêm mãi
Đợi đến ngày tỏa hương.

Ngày hôm qua ở lại
Trong hạt lúa mẹ trồng
Cánh đồng chờ gặt hái
Chín vàng màu ước mong.

Ngày hôm qua ở lại
Trong vở hồng của con
Con học hành chăm chỉ
Là ngày qua vẫn còn...

BÉ KIẾN QUỐC



★ 1. Vì sao bố nói: « Ngày hôm qua ở lại trên cánh hoa trong vườn »? (dựa vào 2 câu tiếp để trả lời).

2. (HS khá và giỏi) Vì sao bố nói: « Ngày hôm qua ở lại trong hạt lúa mẹ trồng »? (dựa vào 2 câu tiếp để trả lời).

3. Tại sao có thể nói: Em « học hành chăm chỉ » là « ngày qua vẫn còn »?

4. Hãy tìm một số từ ghép chỉ thời gian như: hôm qua...

5. Tìm những danh từ chỉ người, cây cối và đồ vật trong bài.

12. CÓ MỘT LẦN

(Bắt đọc thêm)

Tôi chẳng muốn kể chuyện này vì tôi thấy ngượng quá. Nhưng dù sao, tôi cũng xin kể để các bạn nghe. Mọi người đều tưởng là tôi bị đau thật, nhưng có phải là tôi bị sưng bụng răng đau. Tôi nhét tờ giấy thấm vào mồm, thế là má sưng phồng lên đấy. Tôi lại nhăn nhó mặt mũi nữa: Ôi, đau răng quá! Rồi tôi khề ren. Đây là tôi cố tình làm thế để không bị gọi đọc bài. Cô giáo tin tôi, các bạn cũng tin. Ai cũng thương tôi và lo lắng. Còn tôi thì làm ra vẻ đau lắm. Cô giáo nói:

– Em đi về nhà đi! Răng đau thế cơ mà!

Nhưng tôi không muốn về nhà. Tôi lấy lưới
đây đi đây lại cục giấy thấm trong mồm và nghĩ:
« Minh đánh lừa được tất cả mọi người, tài thật! ».

Bỗng một cậu bạn hét âm lên:

— Ôi, nhìn kia, bỗng rặng sừng của bạn ấy
bay giờ chuyển chỗ sang má bên kia rồi!

GÔ-LI-AN-KIN

13. CHIẾC DAO NÓNG NÀY

(Bắt đọc thêm)

Mi-chi-a cầm dao gọt một chiếc gậy, nhưng
gọt một chốc, cậu quăng gậy xuống đất. Chiếc
gậy cong queo, sần sùi, trông thật xấu.

— Sao con quăng gậy đi? — Bố hỏi.

— Tại dao xấu quá, gọt thế nào cũng không
trơn — Mi-chi-a đáp.

— Không — Bố nói — Dao rất tốt, có điều tính
nó nóng nảy. Con phải dạy cho nó tập kiên
nhẫn.

— Dạy thế nào ạ? — Mi-chi-a hỏi.

— Dạy thế này — Bố nói rồi nhặt chiếc gậy
lên, cầm dao bắt đầu gọt, cẩn thận, nhẹ nhàng,
từng tí một.

Bây giờ Mi-chi-a hiểu phải dạy dao tập kiên
nhẫn như thế nào, và cậu bắt chước bố gọt một
cách cẩn thận, nhẹ nhàng, từng tí một.

Một hồi lâu chiếc dao nóng nảy không chịu
làm theo ý Mi-chi-a. Bao giờ nó cũng nóng nảy,
vội vàng, tìm cách tuột bên này, xén lẹm bên
kia, nhưng không được. Mi-chi-a bắt nó phải
kiên nhẫn.

Dần dần chiếc dao gọt tốt hơn. Trơn. Đều.
Đẹp.

F. PÉCMIAC (Lên Xơ)

THAI BÁ TÂN dịch

CHÍNH TẢ

Bài 1. Chính tả (nghe đọc): Từ sách của bạn Sác.

1. Bắt viết: « Sác rất mê sách... truyện khoa
học, thơ... ».

2. Viết đúng:

— Danh từ, truyện, loại.

— Rèm—tàng, hàng—gỗ.

3. Luyện tập:

a) Điền vào chỗ trống:

— Rành hay dành hay giành: đề... tiền, đọc...
mạch, tranh... hơn kém.

— Tầng hay tăn: nhà hai..., cây cúc...

b) Viết lại những chữ có dấu ngã trong bài.

Bài 2. Chính tả (so sánh): Ai can đảm.

1. Bắt viết:

Hùng giơ khẩu súng lục ra khoe. Thằng vung
thanh kiếm lên. Dân ngỗng vươn dài cổ kêu quàng
quạc, chát mõ định đón bọn trộm.

Hùng chạy biển. Thăng, mếu máo. Tiến nhất một cành xoan xua dãn ngỗng ra xa.

2. Viết đúng:

- giờ, khoe, quàng quạc, chúi, mếu máo.
- lên, trẻ, xa—vươn, biển—cò, mỏ.

3. Luyện tập:

a) Viết đúng các cặp từ ngữ so sánh sau đây:

- giờ tay ≠ đơ bàn; trẻ em ≠ chế lạt.
- quàng quạc ≠ cái quạt; chúi mỏ ≠ cây chuối.
- chạy biển ≠ lưỡi biêng; mỏ vịt ≠ gỗ mỗ.

b) Đọc phân biệt các tiếng in chữ ngả trong các cặp từ ngữ trên.

TỪ NGỮ

Thiếu nhi CHĂM HỌC

I—Những từ ngữ cần ghi nhớ:

- Góc học tập, bàn học, giá sách, sách vở, truyện thiếu nhi, truyện khoa học.
- Chuyen cần, chăm chỉ, chăm chú.

II—Bài tập:

1. Điền từ ngữ thích hợp vào những chỗ trống:
Bàn Hải là học sinh học giỏi nhất lớp em. Bàn ấy đi học rất..... Ở lớp bàn ấy luôn luôn..... nghe cô giáo giảng bài. Ở nhà, Hải cũng..... học tập. Hải thường ngồi học nghiêm chỉnh ở..... của mình. Trên..... của bàn ấy,..... luôn luôn được xếp đặt rất ngăn nắp.

Ngoài việc học bài làm bài, Hải còn rất ham đọc sách. Trên..... của bàn ấy có rất nhiều truyện hay. Nhiều nhất là hai loại..... và.....

2. Tìm những từ trái nghĩa với các từ: chăm chỉ, chăm học.

NGỮ PHÁP

DANH TỪ (tiếp theo)

- | | | |
|------------------------------|------------|-----------|
| 1. Cụ già, em bé, anh bộ đội | → người | } Danh từ |
| 2. Mèo, chó; gà, bồ câu | → loài vật | |
| 3. Cam, ổi, mít, dừa | → cây cối | |
| 4. Bàn, ghế, bút chì, sách | → đồ vật | |



Từ chỉ người, loài vật, cây cối, đồ vật...
gọi là danh từ.

5. Em hãy tìm những danh từ chỉ người và đồ vật trong bài «Tủ sách của bạn Sác».

6. Tìm 1 danh từ chỉ người, 1 danh từ chỉ loài vật, 1 danh từ chỉ cây cối và 1 danh từ chỉ đồ vật trong bài «Trăng sao cũng hóa xử người» (Khô thứ 2).

TẬP LÀM VĂN

TRẢ LỜI CÂU HỎI

Đề bài: Tủ sách của bạn Sác.

Câu hỏi:

1. Tủ sách của bạn Sác như thế nào?
2. Khi kéo rèm lên em thấy những gì?
3. Sách gồm có những loại nào?
4. Sác giữ gìn sách như thế nào? Tại sao như vậy?

TUẦN LỄ THỨ 21

14. LÀM VIỆC THẬT LÀ VUI



Quanh ta, mọi vật, mọi người đều làm việc.
Cái đồng hồ tích tắc, tích tắc báo phút, báo giờ.

Con gà trống gáy vang ò ó o... báo cho mọi người biết trời sắp sáng, mau mau thức dậy.

Con tu hú kêu: tu hú, tu hú. Thế là sắp đến mùa vải chín.

Chim bắt sâu bảo vệ mùa màng.

Cỏ xanh nuôi thỏ, nuôi bò.

Cành đào nở hoa cho sắc xuân thêm rực rỡ, ngày xuân thêm tưng bừng.

Cò chim cú mèo có hai mắt hau háu, chập tối đứng trong hốc cây rúc « cú cú » nghe rộn người cũng làm việc cò ịch cho đồng ruộng.

Như mọi vật, mọi người, bé cũng làm việc. Bé làm bài, bé đi học. Học xong, bé quét nhà, nhặt rau, chơi với em dõ mẹ. Bé cũng luôn luôn bận rộn, mà công việc lúc nào cũng nhộn nhịp, cũng vui!....

Theo TÔ HOÀI

★1. Em tìm trong bài xem những vật gì đang làm việc? Những loài vật gì và những cây cối gì đang làm việc?

2. Bé có làm việc không? Bé làm những việc gì và làm như thế nào?

3. Em hãy tìm trong bài những danh từ chung chỉ loài vật.

4. Đặt câu với mỗi từ: làm việc, vui.

TÍ XIU (Học thuộc lòng)



Gọi là Tí Xiu
Mà chẳng bé đâu!
Tí biết lấy rau
Mang về cho lợn,
Tí biết nấu nướng
Hai bữa cơm canh.

Tí còn nhớ ông
Pha thanh tre cật,
Tí ngồi Tí vót
Được mười cây chông
Gửi đồn biên phòng
Đánh quân cướp nước.

NGÔ VĂN PHÚ

— Đồn biên phòng: nơi bộ đội đóng đề canh phòng biên giới.

★1. Bé tí xiu có nghĩa là bé lắm. Nhưng trong bài em bé có tên là Tí Xiu lại không bé. Tại sao? (Đọc kĩ cả hai khổ thơ để trả lời).

2. Tí Xiu làm được nhiều việc như thế để giúp đỡ những ai?

3. «Tí Xiu» là danh từ chỉ tên chung của nhiều người hay tên riêng của một người? Em có nhận xét gì về cách viết từ đó không?

4. Em tìm một vài từ cùng nghĩa hoặc gần nghĩa với từ «nấu nướng».

16. SAO CHỖI

Bé Hà quét sân xong thì trời vừa nhá nhem tối. Hai anh em mang ghế ra ngồi hóng mát. Không gian thoáng dang. Đêm không trăng. Bầu trời chỉ chít sao sáng lấp lánh.

Bỗng nhiên, anh Tuấn reo lên:

— Sao chổi kia!

Bé Hà nhìn nhanh về phía tay anh Tuấn chỉ. Ngôi sao chổi như một vệt quét sáng dài trên sân trời mênh mông.

Bé Hà thắc mắc:

— Thế trời cũng quét sân hả anh?

— Trời bắt chước em đấy. Trên trời cũng phải đưa vải nhát chổi chứ — Anh Tuấn cười hóm hỉnh.

— Bao nhiêu đêm, em có thấy sao chổi đâu. Bắt chước gì mà kém thế — Bé Hà sôi nổi — Hôm nào em cũng quét, còn trời thì lâu lắm mới dụng đến chổi.

Theo PHẠM ĐÌNH AN



— Sao chổi: sao tua, kéo theo một dải ánh sáng dài, giống hình cái chổi.

— Không gian thoáng dang: bầu trời trong trẻo, không có mây mù.

★1. Những câu nào, những từ nào tả bầu trời về đêm rất đẹp?

2. Câu nào tả ngôi sao chồi? Trong câu đó những từ «chồi», «quét», «sân» có ý so sánh ngôi sao chồi với công việc gì hằng ngày của bé Hà?

3. Vì sao bé Hà cho rằng mình còn chăm làm hơn cả trời?

4. Đặt một câu với mỗi từ: *chít chít*, *lấp lánh*.

5. Tìm những danh từ riêng trong bài này.

17. CHẾ GIÊU NGƯỜI LƯỜI

(Bắt đọc thêm)

— Ăn no rồi lại nằm khoèo,

Nghe giục trống chèo bế bụng đi xem.

— Có làm thì mới có ăn

Không dưng ai dễ đem phần đến cho.

— Vốn tôi có máu đau hăm

Cơm ăn thì dở, việc làm thì đau.

— Ăn thì chọn những miếng ngon

Làm thì chọn việc còn con mà làm.

— Làm trai cho đáng sức trai

Khom lưng cổ sức gánh hai hạt vừng.

Tục ngữ Việt Nam

18. CHUYỆN BÉ CHĂM

(Bắt đọc thêm)

Bé Chăm rất chăm làm nhưng cũng mau chán việc. Làm việc này chưa xong, em lại bỏ dở để làm việc khác.

Mới quét xong nửa cái sân, em lại lấy sách ra đọc. Bài học thuộc lòng mới thuộc nửa chừng, em lại lấy vở ra để tập chép.

Bố em thường khuyên răn em, nhưng bé Chăm vẫn chưa sửa chữa được.

Một hôm, bố dẫn Chăm đến bác thợ may ở trong làng để may một bộ quần áo mới. Chăm thích quá vì sắp có bộ quần áo đẹp để mặc Tết. Một ngày, hai ngày và ngày thứ ba, Chăm đến lấy quần áo mới. Nhưng bác thợ may chỉ may xong nửa cái áo và nửa cái quần. Bác bảo Chăm cứ thế mặc vào xem sao.

Chăm mặc thử bộ quần áo làm cho mọi người bỏ lăn ra cười. Chăm bực tức nói:

— Thế bác hãy may xong cái áo cho cháu đã có được không? Bác làm thế thành ra chẳng cái nào xong hân cả!

Bác thợ nghiêm trang bảo: «Cháu nói đúng, làm việc gì cũng phải làm đến nơi đến chốn mới khỏi phí công vô ích».

TRÚC MAI kể

CHÍNH TẢ

Bài 1. Chính tả (nghe đọc): Làm việc thật là vui

1. **Bắt viết:** «Quanh ta... mùa vải chín».

2. **Viết đúng:**

- quanh, tích tắc, gáy.
- giờ, dây — vang, kêu — vải.

3. **Luyện tập:**

a) **Trả lời (viết)** các câu hỏi sau đây:

- Đồng hồ chạy kêu như thế nào?
- Có thể ghép chữ gáy vào những chữ nào trong các chữ sau: gà, mèo, vịt, cu?

b) **Điền vào chỗ trống:**

- dạy hay dạy: thầy... học. Em... sớm.
- vang hay van: gà gáy... cá tôm... nhà... xin.
- vát hay vật: quả..., áo..., rơi...,... thóc.

Bài 2. Chính tả (trí nhớ): Trăng sao cũng hóa xứ người.

1. **Bắt viết:** cả bài.

2. **Viết đúng:**

- hóa, người, ngời.
- trạm, xinh — đặt, lượn — vũ trụ.

3. **Luyện tập:**

Ghép chữ rồi đọc lên:

- Ghép chữ ngời vào các chữ: sáng, chói.
- Ghép chữ người vào các chữ: con, xứ, ta.

TỪ NGỮ

Thiếu nhi CHĂM LÀM

I — **Những từ ngữ cần ghi nhớ:**

- Lao động, nhà cửa, lợn gà, cơm nước.
- Đờ dờn, bận rộn, đến nơi đến chốn.

II — **Bài tập:**

1. **Điền từ ngữ thích hợp vào những chỗ trống:**
Không những chăm học, bạn Hải còn chăm... ở trường cũng như ở nhà. Buổi sáng đi học về, Hải lại... bố mẹ mọi việc trong gia đình. Bạn thái rau, băm bèo cho... Sau đó Hải dọn dẹp... cho ngăn nắp, gọn gàng. Buổi chiều, học bài và làm bài xong, Hải lại lo nấu bữa cơm chiều. Bố mẹ đi làm đồng về thì... đã sẵn sàng.

Tuy... suốt ngày, Hải vẫn vui. Công việc nào bạn ấy cũng làm.....

2. (Cho học sinh khá và giỏi) **Tìm từ trái nghĩa với từ «bận rộn».** Đặt một câu với từ mới tìm đó.

NGỮ PHÁP

DANH TỪ CHUNG

DANH TỪ RIÊNG

1. **Nếu cô giáo gọi:**

- Học sinh lên bảng làm toán!

Cả lớp không ai lên bảng cả vì không biết cô giáo gọi ai.

Học sinh là danh từ chỉ người, nhưng không chỉ cụ thể người nào nên là danh từ chung.

2. Nếu cô giáo gọi:

— Em Nguyễn Văn Hùng lên bảng làm toán.

Em Hùng liền đi lên bảng.

Nguyễn Văn Hùng chỉ tên riêng của một học sinh.

Những danh từ dùng để chỉ tên riêng của một người gọi là *danh từ riêng*. Danh từ riêng phải viết hoa.

3. Em tìm những *danh từ chung* và *danh từ riêng* trong bài « Ai can đảm » (xếp thành 2 cột: một cột *danh từ chung*, một cột *danh từ riêng*).

TẬP LÀM VĂN

TRẢ LỜI CÂU HỎI

Đề bài: Sao chổi.

Câu hỏi:

1. Hai anh em Tuấn và Hà làm gì, vào lúc nào?
2. Cảnh trời đêm lúc ấy ra sao?
3. Sao chổi hiện ra như thế nào?
4. Thấy sao chổi, bé Hà có ý nghĩ gì?

TUẦN LỄ THỨ 22

19. HAI CON CHIM



Mưa rồi, trời mưa to quá! Gió ném rào rào từng vốc nước xuống mặt đường. Gió lay cây rồi giật ra từng nắm lá tung lên trời.

Giữa cánh ấy, trên cây sấu già kia có hai con chim. Con chim bé run rẩy kêu:

— Chíp! Chíp!

Chim lớn dỗ dành:

— Ti ri... ti ri...

Không ai biết trên cây sấu ấy có con chim lớn đang che chở cho con chim bé dưới trời mưa gió.

Sáng hôm sau, khi tia nắng óng ánh vừa rơi xuống chỗ ẩn nấp, con chim lớn mở choàng mắt. Nó giữ giữ lông cánh cho khô rồi khẽ nhích ra ngoài. Tia nắng ấm vừa vắn rơi xuống đúng chỗ con chim non đang ngái ngủ, lông cánh vẫn khô nguyên.

PHONG THU

★ 1. Cảnh mưa to, gió lớn trong bài được tả ở những câu nào, bằng những từ nào?

2. Từ nào cho em biết con chim bé rét lạnh và sợ hãi? Từ nào cho em biết con chim lớn rất yêu, thương con chim bé?

3. « Nó giữ giữ lông cánh cho khô »: « giữ giữ » khác với « giữ » như thế nào?

4. Đặt một câu với mỗi từ: dỗ dành, che chở.

20. TIẾNG RU

(Học thuộc lòng)

Con ong làm mật yêu hoa,
Con cá bơi yêu nước, con chim ca yêu trời.
Con người muốn sống con ơi!
Phải yêu đồng chí, yêu người anh em.

Một ngôi sao chẳng sáng đêm,
Một thân lúa chín chẳng nên mùa vàng
Một người, đâu phải nhân gian
Sống chẳng một dóm lửa tàn mà thôi.

Trích TỐ HỮU



— Nhân gian: chỉ tất cả mọi người sống trên trái đất.

★ 1. Tại sao con ong yêu hoa? Tại sao con cá yêu nước, con chim yêu trời?

2. Con người muốn sống phải yêu đồng chí, yêu anh em. Vì sao như vậy?

3. Vì sao « một ngôi sao » chẳng làm « sáng đêm » được? Vì sao « một thân lúa chín » chẳng làm nên « mùa vàng » được? (dành cho HS khá và giỏi).

4. Con người nếu chỉ có một mình có sống được không? Tại sao?

Em hãy kể những thứ cần thiết hằng ngày phải nhờ người khác mới có được?

5. Bài này khuyên em điều gì?

21. CON CÁO VÀ TÒ ONG

Tò ong lủng lẳng trên cành,
Trong dày mật nhộng, ngon lành lắm thay!

Cáo già nhè nhẹ lên cây,
Định rằng lấy được ăn ngay cho giòn.

Ong thấy cáo muốn cướp con,
Kéo nhau xúm lại vây tròn cáo ta,
Châm đầu, châm mắt cáo già,
Cáo già đau quá phải sa xuống rồi.

Ong kia yêu giống, yêu nòi.
Đồng tâm hợp lực đuổi loài cáo đi.

Trích BÁC HỒ



★ 1. Em kể những nhân vật trong bài thơ này. Nhân vật nào tốt? Nhân vật nào xấu?

2. Thấy tò ong, cáo định làm gì? Tại sao nó lại « nhè nhẹ lên cây »?

3. Ong tuy bé hơn cáo nhưng đã làm thế nào để thắng cáo?

4. Em còn nhớ bài thơ nào của Bác Hồ cũng ngụ ý khuyên ta đoàn kết mới có sức mạnh? (Bài học thuộc lòng tuần 18).

5. Em hãy tìm ở bài đó một từ ngữ gần nghĩa với « đồng tâm hợp lực ».

22. CÁI ĐÈ GÀ

(Bắt đọc thêm)

Chiều nay, Dũng đứng chơi trước cửa chờ đón bố về. Dũng nhìn xe cộ và mọi người qua đường. Một bác chở một bó củi sau xe đạp, định tránh đèn gà thì một chiếc xe khác ở phía trước xô tới. Bác luống cuống đưa luôn xe xuống đèn gà. Bó củi lóc xọc, đứt dây, rơi vung vãi. Bác suýt ngã, vội vàng xuống xe, lúng túng nhặt từng que củi. Bọn trẻ cứ đứng cười.

Lát sau, một chiếc xe khác lại gặp phải đèn gà; sau xe có một em bé. Xe xóc mạnh, em bé suýt ngã. Bà mẹ tay lái loạng choạng, cũng suýt ngã. Rồi đường vắng dần, xe qua lại thưa thớt đi.

Bố về. Hết chuyện này đến chuyện khác, cuối cùng Dũng kể cho bố nghe về cái đèn gà. Dũng chưa kể hết, bố đã hỏi ngay:

— Thế con cứ đứng mà xem à? Sao con không lắp nó đi?

Dũng dớ ra! Có thể mà cũng không nghĩ đến! Dũng ấp úng:

— Con quên mất!

Dũng vội đi lấy cái xô và cái xẻng con vẫn xúc cát chơi. Hai bố con ra đến đường thì cái

đèn gà tai ác đã được lắp phẳng. Chắc là một bạn nào đã kể cho bố bạn ấy nghe trước Dũng. Dũng thấy tiếc quá!

Lược trích HOÀNG ANH ĐƯƠNG

— Đèn gà: chỗ trưng nhô trên đường cái.

23. NHẮN CHÚ PHẠM TUÂN

(Bắt đọc thêm)

Cháu chào chú Phạm Tuấn

Chú bay vào vũ trụ,

Có qua bờ sông Ngân,

Mượn sao Gâu về nhé

Đồng ta lúa đương cần!

Nếu chú gặp Thần Nông

Nhớ nói giùm: bà cháu

Vấn kể chuyện về ông.

Khom lưng, ông đương cấy

Ruộng trên trời... phải không?

À, chú ơi! Quên mất

Đàn vịt vàng sông Ngân

Bắt về mấy con nhé

Làm giống cho cháu chăn.

TRẦN HỒNG

— Gha Phạm Tuấn là chiến sĩ lái máy bay, anh hùng quân đội. Chú đã hạ được máy bay B52 của giặc Mỹ. Năm 1980 chú đã bay vào vũ trụ cùng với một nhà du hành vũ trụ Liên Xô.

— Sao Gâu: chòm sao giống hình chiếc gâu.

— Vịt: sao Vịt, chòm sao giống hình con vịt ở giữa dải sông Ngân Hà.

— Sao Thần Nông: chòm sao ở về phương Nam, giống hình người đội nón, cúi lom khom như đang cấy.

CHÍNH TẢ

Bài 1. Chính tả (nghe đọc): Hai con chim.

1. **Bat viết:** «Mưa rồi... Tí ri... tí ri...».

2. **Viết đúng:**

— vốc, giát, run rẩy, chíp, đồ đánh.

— rào rào, sấu — ném — giữa.

3. **Luyện tập:**

a) Xếp những chữ rời sau đây:

— giọt, to, mưa, gió: thành 2 câu, mỗi câu 2 chữ.

— run, rẩy, đồ, đánh, con, mẹ: thành 2 câu, mỗi câu 3 chữ.

b) Điền vào chỗ trống:

— s hay x: cây ...ấu, con cá ...ấu, không nói ...ấu.

— ném hay nếm: ... hòn đá, ... thức ăn.

Bài 2. Chính tả (so sánh): Con cáo và tổ ong.

1. **Bat viết:**

Cáo già nhẹ nhẹ lên cây.

Định rằng lấy được ăn ngay cho giòn.

Ong thấy cáo muốn cướp con,

Kéo nhau xúm lại vây tròn cáo ta,

Chăm đầu, chăm mắt cáo già.

2. **Viết đúng:**

— già, giòn, cướp, xúm.

— rằng, lấy, chăm — muốn, mắt.

3. **Luyện tập:**

a) Phát âm phân biệt và viết đúng các cặp từ ngữ sau:

— nói rằng ≠ giảng co; chăm kim ≠ trâm cài đầu.

— ý muốn ≠ rau muống; con mắt ≠ vương mắt.

b) Thêm chữ thích hợp vào các cặp từ so sánh sau đây:

... vây ≠ vay ...; xúm ... ≠ xóm ...

TỪ NGỮ

Ôn tập chữ đê THIẾU NHỊ

1. Em hãy tìm những từ ngữ cùng nghĩa hoặc gần nghĩa với các từ:

— Đoàn kết: ...

— Dũng cảm: ...

— Chăm chỉ: ...

2. Tìm một số từ ngữ nói lên những nét tốt của thiếu nhi.

3. Đặt một câu với mỗi từ sau đây: can đảm, dũng cảm, gan góc.

— (Dành cho HS khá và giỏi) Tìm từ trái nghĩa với 3 từ trên.

NGỮ PHÁP

DANH TỪ RIÊNG

1. Em hãy kể tên xã, huyện, tỉnh em đang ở (Nếu ở thành phố thì kể tên phường, quận, thành phố).

2. Ở nước ta có hai con sông lớn tên là sông Hồng và sông Cửu Long.

Em hãy kể tên một con sông khác mà em biết.

3. Dãy núi dài nhất nước ta tên là Trường Sơn.
Kể tên một ngọn núi khác mà em biết.

Tên riêng của đất, núi, sông, ... cũng gọi là danh từ riêng và phải viết hoa.

4. Em hãy tìm những danh từ riêng trong bài "Trên đường đến nhà lao".

TẬP LÀM VĂN

TRẢ LỜI CÂU HỎI

Đề bài: Tí Xiu.

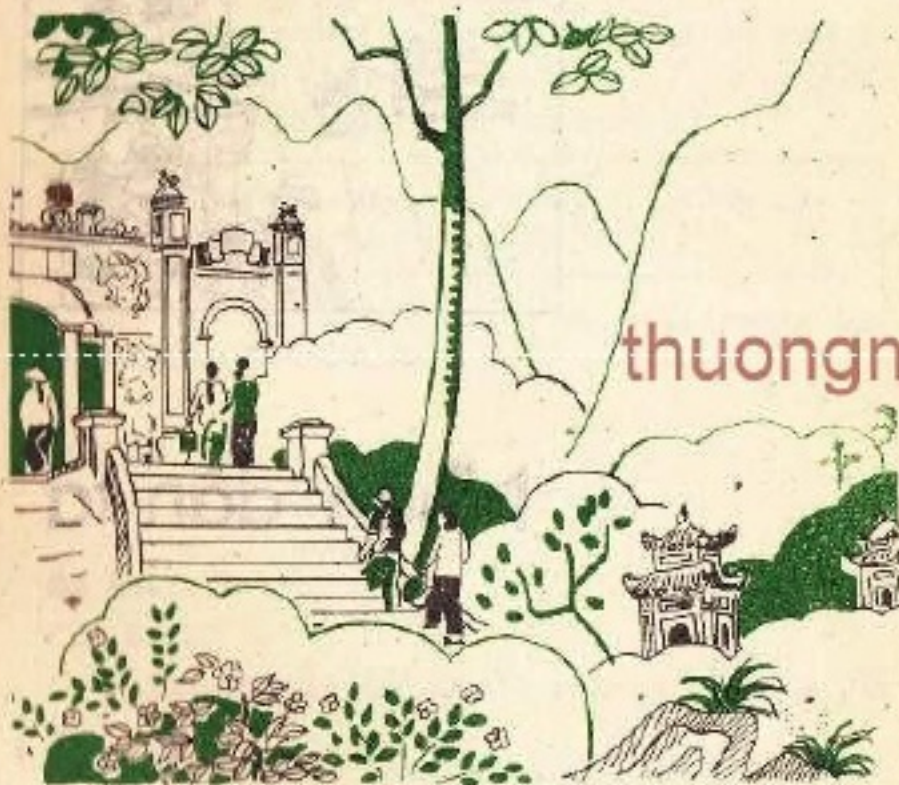
Câu hỏi:

1. Tí Xiu đã biết làm những việc gì để giúp gia đình?
2. Tí Xiu còn biết làm gì để góp phần giữ nước?
3. Như vậy Tí Xiu có còn bé nữa không? Tại sao?
4. Em đã làm được những việc gì để giúp nhà và giúp nước?



Nhân dân ta

24. PHONG CẢNH ĐỀN HÙNG



Đền Thượng nằm chót vót trên đỉnh núi Nghĩa Cương. Trước đền, những khóm hải đường đâm bông rực đỏ, những cánh bướm nhiều màu sắc bay rập rờn như đang mùa quạt xoe hoa

trước sân. Lãng, của các vua Hùng ăn trong rừng cây xanh, gần đền Thượng.

Dứng ở đây, nhìn ra xa, phong cảnh thật là đẹp. Bên trái là đỉnh Ba Vi vôi vọi, bên phải là dãy Tam Đảo như bức tường đá sừng sững. Trước mặt, ngả ba Hạc như một hồ lớn.

Mùa thu năm 1954, Bác Hồ tới thăm đền Hùng và đã căn dặn chúng ta: «Các vua Hùng đã có công dựng nước, bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước».

Theo ĐOÀN MINH TUẤN

thuongmaitruongxua.vn

— Đền Hùng: đền thờ vua Hùng thuộc tỉnh Vĩnh Phú. Ở núi Nghĩa Cương có đền Thượng, đền Trung, đền Hạ.

— Ngả ba Hạc: nơi sông Lô, sông Đà chảy vào sông Hồng.

★ 1. Đền Hùng thờ ai? Đền Thượng nằm ở đâu? Trước đền có gì đẹp?

2. Dứng ở đền Thượng, nhìn ra phía xa, người ta thấy những gì?

3. Bác Hồ căn dặn chúng ta điều gì?

4. Trong bài này có những từ nào viết hoa? Tại sao phải viết hoa?

25. NGƯỜI TRONG MỘT NƯỚC

(Học thuộc lòng)

— Nhiều điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước thì thương nhau cùng.
— Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.
— Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

(Ca dao)

— *Giá gương*: ngày trước, chiếc gương dẹt trên bàn thờ, thường đặt vào giá và phủ nhiều điều cho đẹp và che cho khỏi bụi.

- ★ 1. Cậu cả đạo đầu khuyên ta điều gì?
2. Trong câu 2, những vật nào được ngụ ý chỉ những người cùng chung sống trên một đất nước?
«Chung một giàn» ý nói cùng chung gì?
3. Em hãy tìm một từ trong câu 3 nói lên sự đoàn kết giữa những người trong một nước.
4. Tìm từ cùng nghĩa với từ «non» (trong câu 3).

26. VOI BÀ TRIỆU RA TRẬN

Đoàn quân Ngô vừa kéo đến cửa thung lũng núi Nưa, bỗng nghe dậy lên những tiếng công, tiếng lệnh đồn dập. Từ phía trước mặt, xộc ra

một con voi trắng khổng lồ. Ngồi trên đầu voi là một nữ tướng. Quân ta từ các ngả trong rừng ùn ùn đổ ra, giáo mác, gươm dao vung lên sáng lóa. Quân Ngô đã bị bao vây ba mặt.



Từ trên đầu voi, Triệu Thị Trinh quát lớn, giục voi xông thẳng tới tên tướng Ngô. Vừa thấy con voi huỳnh huych xông tới, con ngựa chiến của tên tướng Ngô đã chồm dứng, hí lên những tiếng kinh hoàng, rồi quay đầu chạy. Viên tướng Ngô bị hất tung từ trên ngựa

TUẦN LỄ THỨ 24

28. TRẦN QUỐC TOÀN RA QUÂN



Sáng hôm ấy, Trần Quốc Toàn dậy sớm từ biệt mẹ già:

— Con đi phen này thề sống chết với giặc. Bao giờ đất nước được yên, con mới trở về...

Bà mẹ nói:

— Con đi vì nước nên mẹ chẳng giữ. Mẹ chỉ có một mình con. Mẹ mong con chóng thắng giặc trở về, để mẹ con ta sớm được sum họp.

Quốc Toàn lay mẹ rồi bước ra sân. Trời vừa rạng sáng. Mình mặc áo bào đỏ, vai mang cung tên, lưng đeo thanh gươm báu, Quốc Toàn ngồi trên con ngựa trắng phau. Theo sau Quốc Toàn là người tướng già và sáu trăm dũng sĩ nón nhọn, giáo dài. Đoàn quân hăm hở ra đi trong tiếng chiêng trống rập rình.

Đoàn quân đã đi xa. Bà con ra tiễn vẫn còn trông thấy lá cờ đỏ thêu sáu chữ vàng căng lên trong gió.

Theo NGUYỄN HUY TƯỜNG

★ 1. Quốc Toàn từ biệt mẹ đi đâu? Bà mẹ có giữ con ở nhà không?

2. Hình ảnh Trần Quốc Toàn lúc ra quân đẹp đẽ và oai hùng như thế nào? (Đọc lại hai câu văn miêu tả hình ảnh đó).

3. Những từ nào cho em biết đoàn quân của Quốc Toàn đã ra đi rất hùng dũng?

4. Đặt một câu với từ « hăm hở ».

5. Tìm trong bài: 1 danh từ riêng chỉ tên người, 1 danh từ chung chỉ người, 1 danh từ chung chỉ loài vật, 1 danh từ chung chỉ đồ vật.

29. VIỆT NAM CÓ BÁC

(Học thuộc lòng)

Bác là non nước, trời mây
Việt Nam có Bác mỗi ngày đẹp hơn.
Còn cao hơn đỉnh Trường Sơn
Nghìn năm chung đức tâm hồn ông cha.
Điệu lục bát, khúc dân ca
Việt Nam là Bác, Bác là Việt Nam.

Trích LÊ ANH XUÂN

-- Chung đúc... : ý nói tâm hồn (tinh cảm và ý nghĩ) của Bác là kết quả của tất cả những gì tốt đẹp ông cha ta hàng nghìn năm để lại.

★1. «Non nước, trời mây» ở đây chỉ đất nước. Đó là đất nước nào?

2. Em hiểu câu «Việt Nam có Bác mỗi ngày đẹp hơn» ý nói gì?

3. Những câu thơ nào cho em biết Bác Hồ tiêu biểu cho tất cả những gì tốt đẹp của dân tộc Việt Nam?

4. Bác Hồ đã có công ơn gì đối với đất nước ta và nhân dân ta?

5. Tìm một vài từ cùng nghĩa với từ «non nước».

30. MỘT CHIỀU HÈ LỊCH SỬ

(Bắt đọc thầm)

Bố kể chuyện Điện Biên
Bộ đội mình chiến thắng,
Lũ Tây bị bắt sống
Ta giải đi từng đàn.
Tướng Dờ Cát xin hàng
Bốt đồn đều san phẳng,
Cờ quyết chiến quyết thắng
Tung bay trên nóc hầm
Chiều mừng bảy tháng năm,
Một chiều hè lịch sử.

HOÀNG VƯƠNG

Chiến thắng Điện Biên Phủ: ngày 7-5-1954, quân dân ta đã thắng lớn ở Điện Biên Phủ buộc giặc Pháp phải rút khỏi miền Bắc nước ta.

CHÍNH TẢ

Bài 1. Chính tả (nghe đọc): Voi Ba Triệu ra trận.

1. Bắt viết: «Từ trên đầu voi... xuống đất».

2. Viết đúng:

— Triệu Thị Trinh, giặc, huỳnh huych, quay ngoắt.

— xong, chồm dưng — kinh hoàng.

3. Luyện tập:

a) Viết họ tên các bạn cùng bàn.

b) Điền vào chỗ trống:

— giục hay đục: thúc..... hình bầu.....giã.

— xong hay sông: giục voi.....lên; bơi qua....

c) Ghép chữ thích hợp với các từ: huỳnh huých, quay ngoắt. Ví dụ: chạy huỳnh huých; quay ngoắt sang trái v.v...

Bài 2. Chính tả (so sánh): Trần Quốc Toàn ra quân.

1. Bài viết:

Trần Quốc Toàn dậy sớm từ biệt mẹ già. Trời vừa rạng sáng. Đoàn quân hăm hở ra đi trong tiếng chiêng trống rộn rinh.

2. Viết đúng:

- dậy, già, rạng, chiêng
- trống — sáng, tiếng — hăm hở.

3. Luyện tập:

a) Phát âm phân biệt và viết đúng các cặp từ ngữ so sánh sau đây:

- *rạng* đông ≠ *hình* dạng; cái *trống* ≠ *chống* gậy.
- cái *chiêng* ≠ *con* *chên*; *rạng* sáng ≠ *rạn* nứt.

b) Thêm chữ thích hợp vào các cặp từ sau:

- *trong* ≠ *chong*; *đoàn* ≠ *đoàng*.
- *hăm* ≠ *hâm*; *sáng* ≠ *sán*.

TỪ NGỮ

DÂN TỘC VIỆT NAM (tiếp theo)

I — Những từ ngữ cần ghi nhớ:

— Quê hương đất nước, quân dân, chiến trường, chiến sĩ, anh hùng.

— Quyết chiến quyết thắng, vì nước quên mình.

II — Bài tập:

Điền từ ngữ thích hợp vào các chỗ trống:

Dân tộc Việt Nam ta còn là một dân tộc có tính thần bất kì kẻ thù xâm lược nào. Trải qua

trên bốn nghìn năm lịch sử, cả nước ta luôn luôn đoàn kết một lòng quyết tâm đánh đuổi bọn cướp nước để bảo vệ thân yêu. Biết bao đã ngã xuống trên Họ đã nêu cao tấm gương cho chúng ta noi theo.

NGỮ PHÁP

ÔN TẬP DANH TỪ

1. Kê 2 danh từ riêng chỉ tên sông (hoặc núi).
Kê 2 danh từ riêng chỉ tên người.
Kê 2 danh từ riêng chỉ tên huyện, tỉnh.
2. Kê 2 danh từ chung chỉ người.
Kê 2 danh từ chung chỉ loài vật.
Kê 2 danh từ chung chỉ cây cối.
Kê 2 danh từ chung chỉ đồ vật.
3. Tìm các danh từ riêng trong bài « Việt Nam có Bác ».

TẬP LÀM VĂN

TRẢ LỜI CÂU HỎI

Đề bài: Trần Quốc Toàn ra quân

Câu hỏi:

1. Quốc Toàn làm gì trước lúc ra đi?
2. Hình ảnh Quốc Toàn lúc ra quân trông đẹp và hùng dũng như thế nào?
3. Theo sau Quốc Toàn có những ai?
4. Đoàn quân lên đường ra sao?
5. Khi đoàn quân đã đi xa, ta vẫn còn trông thấy gì?

TUẦN LỄ THỨ 25

31. DỪNG GÁC NƠI BIÊN GIỚI

Sớm nay đứng gác, anh Thái thấy Tờ quốc đẹp vô cùng. Mặt trời hé sáng, rừng núi như tỏa hào quang. Những tia nắng vàng hắt từ sau dãy núi lên nền trời ửng hồng. Mặt trời lên, sương tan dần. Từng cụm mây bạc vờ vờ giữa lưng chừng núi, tan vào các khe núi. Thác nước đỏ ăm ăm hiện ra trắng xóa. Rừng cây xanh rung rinh. Chim chóc cất tiếng ca.

Xa xa trong thung lũng, thấp thoáng bóng người lom khom trên ruộng lúa vàng.

Phong cảnh ở đây thật là hùng vĩ. Anh Thái nhìn đây đó, tình yêu đất nước rộn ràng trong lòng. Anh siết chặt thêm cây súng trong tay.

Theo LÊ ĐÀO

— Hào quang: ánh sáng rực rỡ tỏa ra khắp bốn phía.

★ 1. Em hãy tìm trong bài những cảnh vật có màu sắc tươi đẹp của cảnh núi rừng buổi sớm.

2. Những từ ngữ nào tả âm thanh của núi rừng buổi sớm?

3. Anh Thái siết chặt thêm cây súng trong tay để làm gì?

4. Tìm một từ ghép trong đó có tiếng «gác». Đặt một câu với từ đó.

5. Tìm trong bài một danh từ chung chỉ loại vật và một danh từ chung chỉ đồ vật.

32. CHỦ HẢI QUÂN

(Học thuộc lòng)

Đứng canh ngày, canh đêm
Ngoài xa vờn hải đảo
Kìa! Bóng chú hải quân
Dưới trời xanh trũng sáo.

Mặc nắng mưa gió bão,
Cây súng chú chắc tay,
Quân thù mà lộ mặt
Biên lớn sẽ vui thay.

Em mong ngày khôn lớn
Sẽ vượt sóng ra khơi,
Cũng cầm chắc tay súng
Giữ lấy biển lấy trời.

VÂN DÀI



- ★1. Chú hải quân trong bài làm nhiệm vụ gì?
- 2. Những câu nào, từ nào cho biết nỗi vất vả, gian khổ của chú hải quân? (Tìm trong khổ 1 và khổ 2).
- 3. Những hình ảnh nào nói lên niềm mong ước của em bé? (khổ 3).
- 4. Tìm trong bài hai từ ghép có tiếng «hải». Đặt một câu với mỗi từ đó.

33. BỘ ĐỘI ĐI TRÊN TRƯỜNG SƠN



Đường lên dốc trơn và lầy. Người nọ đi tiếp sau người kia. Đoàn quân nối thành vệt dài từ thung lũng tới đỉnh cao như một sợi dây kéo thẳng đứng. Họ nhích từng bước. Nhìn lên chỉ thấy những chiếc ba lô lù lù nổi nhau trên những cái lưng cong cong. Nhìn xuống là những chiếc mũ tai bèo lúp xúp trên những mái đầu đang cắm về phía trước. Những khuôn mặt đỏ bừng.

Đoàn quân dột ngột chuyền mạnh. Những
dậm rừng đỏ lên vì bom Mĩ. Những rặng rừng
xám đi vì chất độc hóa học Mĩ. Những dậm
rừng đen, cây cháy thành than chộc lên nền
trời đầy mây... Tất cả, tất cả lướt qua rất
nhANH.

Trích DƯƠNG THI XUÂN QUÝ

★ 1. Câu nào cho em biết bộ đội đang leo một
cái dốc rất cao trên đỉnh Trường Sơn?

2. Tìm những từ ngữ diễn tả nỗi vất vả, gian
khô của đoàn quân đang leo dốc.

3. Đỏ lên, xám đi, đen, cháy thành than... những
từ ngữ đó nói lên tội ác gì của giặc Mĩ?

4. Tìm trong bài những từ lấy gồm 2 tiếng lặp
lại. Đặt một câu với mỗi từ đó.

5. « Trường Sơn » là danh từ riêng chỉ núi. Em
có nhận xét gì về cách viết từ đó?

34. NHỮNG CÁI CHÂN

(Bài đọc thêm)

Cái gậy có một chân
Biết giúp bà khỏi ngã.
Chiếc com pa bố vẽ
Có chân đứng, chân quay.
Cái kiềng đun hằng ngày
Ba chân xòe trong lửa.

Chẳng bao giờ đi cả
Là chiếc bàn bốn chân.
Riêng cái vồng Trường Sơn
Không chân đi khắp nước.

VŨ QUÂN PHƯƠNG

CHÍNH TẢ

Bài 1. Chính tả (nghe đọc): Dừng gác nơi biên giới.

1. Bài viết: « Sớm nay ... hào quang » và « Xa
xa ... trong tay ».

2. Viết đúng:

— Thái, Tô quốc, tỏa, thoáng, khom, siết.
— rừng, sừng — gác, quang — vĩ.

3. Luyện tập:

a) Sắp xếp các chữ rời sau đây thành hai câu:
— người, thấp thoáng, bóng.
— rừng, hào quang, núi, tỏa.

b) Điền vào chỗ trống:

— r hay d: núi... ừng, dưng ..., ừng lại.
— n hay ng: hào qua..., qua..., trộng, vinh qua...
— vĩ hay vi: hùng ..., ..., ruồi.

Bài 2. Chính tả (trí nhớ): Người trong một nước.

1. Bài viết: cả bài.

2. Viết đúng:

— giá, giống, giàn, chum.
— chung — nhiều điều — phủ.

3. Luyện tập:

Ghép đúng:

— chung hay trang vào: lòng, sức, thành, thực.
— phủ hay phũ vào: bao, phang, che.

QUÂN ĐỘI

I — Những từ ngữ cần ghi nhớ:

- Bộ đội, bộ binh, hải quân, không quân, biên giới.
- Tuần tiễu, bảo vệ, nắm chắc tay súng.



II — Bài tập:

1. Điền từ ngữ thích hợp vào những chỗ trống:

Gia đình bạn Đông có ba người anh đều đi . . . Anh Thu là bộ đội . . . hiện đóng trên . . . Anh Hạ là bộ đội . . . chuyên đi . . . trên mặt biển. Còn anh Xuân lớn tuổi nhất là chiến sĩ . . . ngày nào cũng cất cánh làm nhiệm vụ canh gác bầu trời của Tổ quốc. Các anh đều . . . sẵn sàng chiến đấu dè . . . đất nước quê hương.

2. Bài tập làm ở nhà: (Dành cho HS khá và giỏi)
Đặt một câu với mỗi từ sau đây: canh gác, canh phòng, canh giữ.

DANH TỪ RIÊNG CÁCH VIẾT HOA TÊN NGƯỜI

1. Tên người gồm 2 tiếng: Lê Lợi, Trần Phú.
Tên người gồm 3 tiếng: Hồ Chí Minh, Tôn Đức Thắng.

Tên người gồm 4 tiếng: Nguyễn Thị Minh Khai, Lê Thị Hồng Gấm.

Tên người Việt Nam gồm 2 tiếng, 3 tiếng, 4 tiếng đều phải viết hoa chữ cái ở đầu mỗi tiếng.

2. Em hãy viết tên các bạn ở tổ em (viết đủ họ và tên).

3. Em hãy viết lại cho đúng chính tả tất cả các tên người dưới đây:

nguyên bá ngọc, lê văn tám, vũ a đính, trần quốc toàn, võ thị sáu, kim đồng.

TẬP LÀM VĂN

TRẢ LỜI CÂU HỎI

Đề bài: Bộ đội đi trên Trường Sơn.

Câu hỏi:

1. Đi trên Trường Sơn, các chú bộ đội gặp những khó khăn gì?
2. Các chú phải đi như thế nào?
3. Lên dốc cao như thế, nhìn lên ta thấy có gì lạ mắt?
4. Nhìn xuống, ta thấy như thế nào?
5. Tại sao những khuôn mặt lại đỏ bừng?

TUẦN LỄ THỨ 26

35. CÁI MÁY TUỐT LÚA



Trông kia, máy tuốt
Rung triệu vì sao
Đầy sân hợp tác
Thóc vàng xôn xao.

Máy tròn quay tít
Núi thóc dần cao
Máy không biết mệt
Cười reo rào rào.

Chú công nhân ơi
Máy ngoan thật nhỉ
Suốt cả mùa vui
Máy thành dũng sĩ.

ĐINH HẢI

- ★1. Thóc vàng từ chiếc máy tuốt lúa tuôn ra được ví như gì? (khổ 1)
2. Những câu thơ nào cho em biết máy tuốt lúa cũng được ví như một con người vừa vui tính, vừa chăm làm? (khổ 2 và 3)
3. Vì cái máy tuốt lúa như một con người vui tính và chăm làm chính là muốn nói tới ai ở đây? (khổ 3)
4. Tìm hai từ lấy điển tả âm thanh trong bài. Đặt một câu với mỗi từ đó.

36. CHĂM VIỆC CẮY CÀY
(Học thuộc lòng)

— Rủ nhau đi cấy đi cày
Bây giờ khô nhọc, có ngày phong lưu.

– Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang
 Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu.
 – Muốn no thì phải chăm làm
 Một hạt lúa vàng, chín giọt mồ hôi.
 – Quanh năm cấy hái cây bừa
 Vụ chiêm tiết hạ, vụ mùa tiết đông.
 Ai về nhân chị em cùng
 Muốn cho no ấm nghề nông chuyên cần.
 (Ca dao cổ)

– Phong lưu: ý nói sống no đủ, sung sướng.

★ 1. Tại sao « đi cấy đi cày » vất vả, khó nhọc lại « có ngày phong lưu »?

2. Tại sao tấc đất lại quý như tấc vàng?

3. Câu « Một hạt lúa vàng, chín giọt mồ hôi » ý nói gì?

4. Vụ chiêm vào mùa nào, vụ mùa vào mùa nào trong năm? Muốn cho no ấm quanh năm nhà nông phải làm lụng như thế nào?

5. « Một hạt lúa vàng »: thay từ « lúa » bằng một từ cùng nghĩa.

37. ĐÁNH CÁ ĐÈN

Chiều hôm ấy, bãi thuyền tấp nập hẳn lên. Ai cũng muốn xem các đội thuyền ra khơi đánh cá đèn. Lũ trẻ cũng theo ra bãi.



Các thuyền nổ máy ran ran rồi vọt ra khơi, trườn nhanh qua vùng sóng lưng. Năng chiều tỏa ánh vàng hoe. Mào cầu vồng hiện lên trên bụi nước đầu sóng. Mặt trời lặn. Màn đêm buông xuống. Đèn điện trên các thuyền bật sáng rực rỡ. Vài tiếng đồng hồ sau, thấy ánh đèn, cá kéo về đen đặc. Những con mối, con nục, nổi lên cuốn vào nhau lúc nhúc. Dưới ánh điện, mắt chúng sáng rực cả một vùng như trận mưa tàn lửa... Mỗi thuyền chỉ đánh bốn mé lưới mà chờ

không hết cá, phải dìm vào lưới thả xuống nước kéo về. Thuyền nào cũng no, lắc lẻo trên sóng.

Theo BUI NGUYỄN KHIẾT

— Đánh cá đèn: đánh cá về đêm, dùng đèn điện thật sáng để nhử cá tới mà kéo lưới.

★ 1. Đoàn thuyền máy ra khơi đánh cá trông rất đẹp mắt. Nhưng từ ngữ nào cho thấy rõ hình ảnh đẹp mắt đó?

2. Vì sao ánh sáng trên mặt biển lúc đánh cá rực rỡ lên?

3. Những từ nào cho em biết đàn cá rất đông?

4. Những từ nào chứng tỏ các thuyền chài cá về rất nặng?

5. Đặt một câu với mỗi từ: *vọt, trườn*.

38. LÀM MƯA

(Bắt đọc thêm)

Bước lên đồng trên
Thấy con sông mới.
Bước xuống đồng dưới
Thấy con kênh đào.
Bước ra đồng sau
Thấy máy bơm nước.
Bước ra đồng trước
Thấy guồng đang quay.

Chàng mưa từ chín tầng mây,
Thì mưa từ những bàn tay con người.

BÙI NGỮ

CHÍNH TẢ

Bài 1. Chính tả (nghe đọc): Cái máy tuốt lúa.

1. Bắt viết: cả bài.

2. Viết đúng:

— triện, tuốt, quay, ngoan.

— rung, rào rào — suốt — dững dĩ.

3. Luyện tập:

a) Thêm chữ một, lồng vào các chữ: triện, tuốt.

b) Đặt câu với chữ: rung, dững dĩ, suốt.

c) Điền vào chỗ trống:

— quay hay quai: ... tròn, ... búa, lên ...

— rào hay đào: mưa ..., hàng ..., dặt ..., dỗi ...

Bài 2. Chính tả (so sánh): Đánh cá đèn.

1. Bắt viết:

Thuyền nổ máy ran ran, trườn nhanh qua vùng sông lững. Nắng tỏa ánh vàng hoe. Mặt trời lặn, màn đêm buông xuống. Đèn điện trên các thuyền bắt sáng rực rỡ.

2. Viết đúng:

— ran ran, trườn, tỏa, hoe.

— lặn, rực rỡ — màn, buông, bật — nổ.

3. Luyện tập:

a) Phát âm phân biệt và viết đúng các cặp từ ngữ so sánh sau đây:

— nổ ran + gian nhà; rực rỡ + dờ nhà.

- tỏa ánh sáng ≠ tỏa mộ; đỗ hoa ≠ con heo.
- trườn lên ≠ nhà trường; nỗ máy ≠ nỗ lực.
- b) Thêm chữ thích hợp vào các cặp từ sau:
lợn... ≠ lợn...; ...bạt ≠ ...bạc.

TỪ NGỮ

NÔNG NGHIỆP

I - Những từ ngữ cần ghi nhớ:

- Nông dân, việc cấy cấy, máy cấy, máy bơm nước, vụ chiêm, vụ mùa.
- Chống úng, chống hạn, cây sâu cuốn bằm, chân lấm tay bùn.

II - Bài tập:

1. Điền từ ngữ thích hợp vào những chỗ trống:

Bà con... quanh năm làm ăn..... vất vả, khó nhọc mới làm ra được hạt thóc hạt gạo. Chưa kể một năm hai vụ hết lo... lại lo... Nhưng nhờ chịu khó... và ra công chăm bón nên cả hai... và... lúa đều tốt cả. Nhiều nơi bà con lại sấm được cả... và... nên... cũng đỡ vất vả hơn.

2. (Dành cho học sinh khá và giỏi) Em hãy điền từ cho câu đủ ý:

- Vụ... là vụ lúa tháng năm ta.
- Vụ... là vụ lúa tháng mười ta.
- (thành ngữ) Tắc đất... (nói như thế nghĩa là thế nào?).

(Gợi ý: dựa vào bài «Chăm việc cấy cấy» để điền đúng từ).

NGỮ PHÁP

CÁCH VIẾT HOA TÊN ĐỊA LÍ

1. Ở cuốn Tiếng Việt tập I, các em đã gặp các từ chỉ tên riêng như: Hải Phòng, Ba Vì, Tân Viên, Hồ Gươm.

Hải Phòng là tên một thành phố.

Ba Vì là tên một huyện.

Tân Viên là tên một ngọn núi.

Hồ Gươm là tên một cái hồ.

Các danh từ riêng chỉ tên địa lí đều phải viết hoa chữ cái đầu mỗi tiếng.

2. Kê và viết tên riêng của xã, huyện, tỉnh em ở (nếu ở thành phố thì kê tên phường, quận, thành phố).

TẬP LÀM VĂN

DÙNG TỪ ĐẶT CÂU

Đề bài: Em hãy dùng mỗi từ ngữ sau đây đặt thành một câu nói về máy tuốt lúa:

Máy tuốt lúa, quay tít, thóc vàng, cười reo, ngoan.

Suy nghĩ trước khi đặt câu:

1. Ngày nay, hợp tác xã dùng máy gì thay việc đập lúa?
2. Máy tuốt lúa chạy nhanh như thế nào?
3. Máy làm việc khỏe và vui ra sao?
4. Khi máy làm việc, em thấy trên sân hợp tác có gì đẹp?
5. Tại sao máy được khen là ngoan?

39. DÀN BÊ CỦA ANH HỒ GIÁO



Bảy giờ đã sang tháng ba. Đồng cỏ Ba Vì vẫn giữ nguyên vẻ đẹp như hồi đầu xuân. Không khí trong lành và rất ngọt ngào. Bầu trời cao vút, trập trùng những đám mây trắng...

Giáo đứng trên đồng cỏ đã lâu lắm. Đàn bê ăn quanh quẩn ở bên anh.

Giống như những đứa trẻ quấn quýt bên cạnh mẹ, đàn bê cứ quẩn vào chân anh. Chúng vừa ăn vừa đùa nghịch. Những con bê đực, y hệt những em bé trai khỏe mạnh, chốc chốc lại ngừng ăn, nhảy quăng lên rồi chạy đuổi nhau thành một vòng tròn chung quanh Giáo... Những con bê cái thì khác hẳn. Chúng rụt rè chẳng khác nào những em bé gái được bà chiều, lúc nào cũng chăm bẵm không dám cho chạy đi chơi xa... Chúng ăn nhỏ nhẹ, từ tốn. Thỉnh thoảng một con, chừng như nhớ mẹ, chạy lại chỗ Giáo, giúi mõm vào người anh nũng nịu. Con khó tính hay vồ cứ sấn vào lòng Giáo rồi quơ quơ đôi chân lên như là đòi bế.

Theo PHƯƠNG VU

- Hồ Giáo: anh hùng lao động ngành chăn nuôi.
- Chăm bẵm: chăm chút (trẻ nhỏ) từng li, từng tí.

★ 1. Đồng cỏ Ba Vì đẹp như thế nào? (không khí, bầu trời).

2. Những từ *quanh quẩn*, *quấn quýt*, *quẩn* cho em biết tình cảm của đàn bê đối với anh Hồ Giáo ra sao? Em đặt một câu với mỗi từ đó.

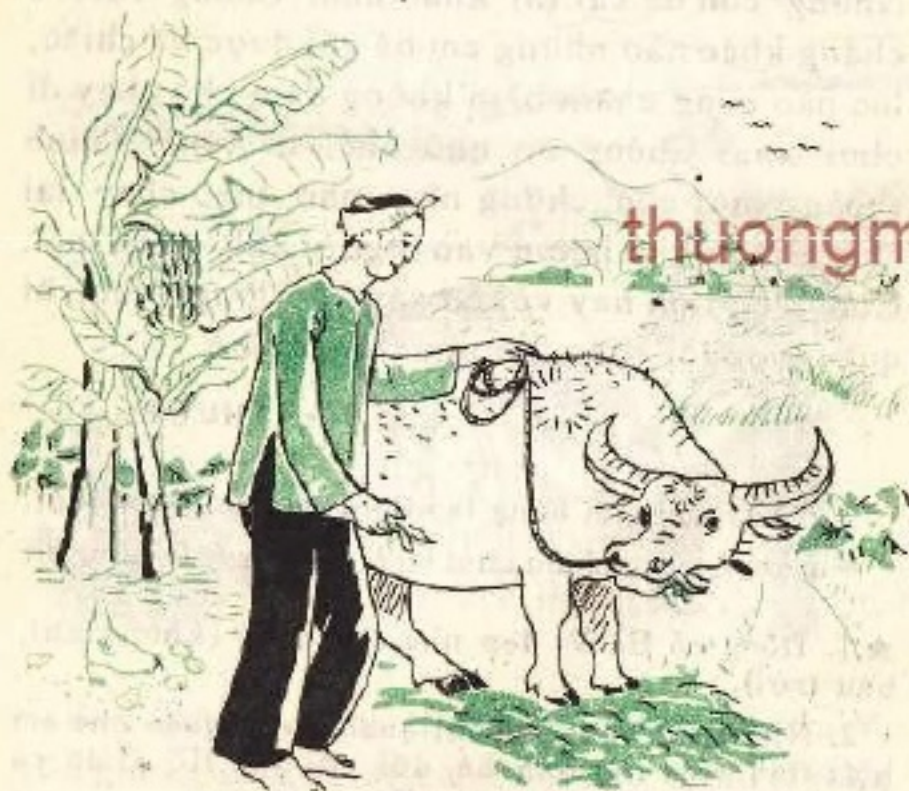
3. Những con bê đực vừa ăn, vừa đùa nghịch như thế nào?

4. Những con bê cái khác hẳn chúng. Em hãy tìm những từ cho biết điều đó.

5. Tìm trong bài một danh từ riêng chỉ họ và tên người, một danh từ riêng chỉ tên địa lí. Em hãy cho biết cách viết những danh từ riêng đó.

40. TRÂU ƠI

(Học thuộc lòng)



Trâu ơi! Ta bảo trâu này!
Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta.

Cấy cày vốn nghiệp nông gia,
Ta đây trâu đấy, ai mà quản công!
Bao giờ cây lúa còn bông,
Thời còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

(Ca dao)

- Nghệp: nghề nghiệp.
- Nông gia: nhà nông, người làm nghề cày cấy.
- Quản công: ngại khó nhọc, vất vả (ngại tốn công sức).

★ 1. Người nông dân gọi « Trâu ơi! » và tự xưng là « ta ». Cách xưng hô đó cho biết tình cảm của họ đối với con trâu ra sao?

2. Người nông dân nhân nhủ, động viên trâu cùng chịu khó vất vả trong nghề cày cấy với mình qua hai câu nào? « Ai mà quản công » ý nói gì? (dựa vào mục chú thích để trả lời).

3. Qua hai câu cuối, người nông dân hứa với trâu điều gì?

4. Đặt một câu với mỗi từ: công sức, công lao.
(câu dành cho học sinh khá và giỏi)

41. PHÂN XƯƠNG GÀ CON

Vừa bước vào khu nhà nuôi gà con, chúng tôi đã thấy một cuộc sum vầy đông đúc của hàng nghìn gà con.

Những tiếng chiêm chiêm non nớt quăn quýt rất dễ thương. Có lúc chúng lại rộ lên, riu rít

thật vui. Chúng ở tập trung từng cụm, dưới những lồng sưởi dòng từ trần nhà xuống. Những lồng sưởi diện này hình sáu cạnh, mũi xanh, mũi trắng. Chúng có đường kính rộng hai mét, treo úp. Lồng sưởi tỏa nhiệt xuống đàn gà con đứng dưới, cách xa gần một mét.

Một cô công nhân rón rén đến bên lồng sưởi điều chỉnh độ nhiệt. Lũ gà, con đứng, con nằm thoải mái.

Theo DUY LẬP



— Phân xưởng: một bộ phận sản xuất của nhà máy. Trong nhà máy nuôi gà có nhiều phân xưởng như phân xưởng gà con, phân xưởng gà choai, phân xưởng gà đẻ... Ở đây gà đẻ không ấp trứng và nuôi con (trứng gà được ấp bằng điện để nở thành gà con).

★1. Ở nhà em, gà con thường đi với gà mẹ. ở đây tại sao không có gà mẹ?

2. Tìm những từ tả những nét đáng yêu của đàn gà con?

3. Tại sao ở đây gà con lại thích ở tập trung từng cụm dưới lồng sưởi điện?

4. Tìm một từ ghép có tiếng «sum» ở đầu và cùng nghĩa với từ «sum vầy». Đặt một câu với từ đó.

5. Tìm trong bài 3 danh từ chung (chỉ người, loài vật, đồ vật).

42. CHỊ CÔNG NHÂN CHĂN BÒ

(Bài đọc thêm)

Chị là con gái miền xuôi
Lên chăn bò sữa núi đồi Sa Pa.
Đồi bát ngát, núi bao la,
Đây là Thác Bạc, kia là Cầu Mây.

Cỏ hương, cỏ sữa mọc đầy,
Đường đi, con suối lượn ngay chân đèo.

Hàng sa mu đứng nhìn theo
 Đêm khuya, một mảnh trăng treo trên ngàn.
 Nhìn đàn bò sữa nông trường
 Trắng, đen, lang, dốm trong sương hiện dần.
 Càng yêu mến chị công nhân
 Đẹp như một đóa hoa xuân núi rừng.

TẾ HANH

— Sa mu: một loại cây giống cây thông.

CHÍNH TẢ

Bài 1. Chính tả (nghe đọc): Đàn bê của anh Hồ Giáo.

- Bài viết: «Giống như... chúng quanh ta».
- Viết đúng:
 - giống, quán quýt, nghịch, quàng.
 - trê, chốc—đuôi—những, nháy.
- Bài tập:
 - Ghép chữ rời đọc lên:
 - Ghép chữ giống với các chữ: nhau, hết.
 - Ghép chữ quàng với các chữ: nháy, lên.
 - Đặt câu với từ: quán quýt, nghịch.
 - Điền vào chỗ trống:
 - chốc hay trước: một ..., cây bị ..., rẽ.
 - đuôi hay đất: theo ..., đánh ..., bộ quần áo bằng

Bài 2. Chính tả (trí nhớ): Chăm việc cấy cây.

- Bài viết: 3 cặp câu đầu.

2. Viết đúng:

- ruộng, hoang, bao nhiêu.
- rừ, lưu — tắc đất — bỏ.

3. Luyện tập:

- Viết câu với các chữ: hoang, bao nhiêu.
- Điền từ thích hợp:
 - rừ hay dừ: ... nhau đi học; ... lòng thương.
 - tắc hay tất: một ... đất; ... cả mọi người.
 - bỏ hay bỏ: ... dở công việc; chẳng ... công làm.

TỪ NGỮ

CHĂN NUÔI

I - Những từ ngữ cần ghi nhớ:

- Nông trường chăn nuôi, đồng cỏ, bò đực, bò cái, bê.
- Bao la, bát ngát, quán quýt, chăm bẵm.

II - Bài tập:

- Điền từ ngữ thích hợp vào những chỗ trống:

Chị Vân là công nhân chăn bò ở Cẩm Thủy. Nông trường có khu ... rộng ... Hằng ngày, hàng trăm con ... và ... béo tốt mang đủ màu lông được thả cho ăn cỏ ở đây trông rất thích mắt. Máy chủ ... con chẳng chịu đi ăn xa cứ ... bên chị Vân. Chị ... chúng chẳng khác gì các con nhỏ của chị ở nhà. Mỗi buổi sáng, chị có đứng ở đây cùng với đàn bê, chị Vân mới ngắm nhìn được toàn cảnh nông trường xanh tươi ... vô cùng thân thiết.

- (Bài tập làm ở nhà). Tìm một số từ gần nghĩa với các từ: bát ngát, chăm bẵm.

NGỮ PHÁP

ON CÁCH VIẾT HOA DANH TỪ RIÊNG

1. Viết lại cho đúng các danh từ riêng dưới đây :
nguyễn văn trời, nguyễn thị minh khai, hải phòng, hà nội, trần quốc toàn, kim đồng, ba vì, tân viên, nha trang, cửu long.
2. Xếp các danh từ riêng ở trên thành 2 cột. Một cột chỉ tên người, một cột chỉ tên địa lí.
3. Viết tên trường em học và tên 5 bạn trong lớp (viết cả họ và tên).

TẬP LÀM VĂN

DÙNG TỪ ĐẶT CÂU

Đề bài : Em hãy dùng mỗi từ ngữ sau đây đặt thành một câu nói về dân trẻ của anh Hồ Giáo :

Đàn trẻ, đồng cỏ, quần quýt, trẻ đẻ, nững niu.

Suy nghĩ trước khi đặt câu :

1. Anh Hồ Giáo đang làm gì?
2. Anh cho dân trẻ ăn ở đâu?
3. Dân trẻ mến anh như thế nào?
4. Những con trẻ đẻ vừa ăn cỏ vừa làm gì?
5. Trái lại, những con trẻ cái vừa ăn cỏ vừa làm gì?

TUẦN LỄ THỨ 28

43. ANH THỢ ĐỐT LÒ



Cửa lò hé mở
Than rơi, than rơi...
Anh thợ lò ơi!
Bàn tay nóng ấm

Chuyền vào tay tôi
Và màu lửa sáng
Trong mắt anh cười.

Anh thợ lò ơi!
Cửa lò anh đứng
Như cửa mặt trời
Bóng anh trải rộng
Như đám mây trời.
Lửa vàng làm nắng
Bóng anh tỏa dài
Nhịp tay đều đặn
Than rơi, than rơi.

Trích VÕ THANH AN

- ★ 1. Anh thợ đốt lò đang đứng làm việc ở đâu? Tại sao tác giả lại ví cửa lò như « cửa mặt trời »?
- 2. Bàn tay anh thợ đốt lò ra sao? « Màu lửa sáng » làm cho mắt anh đẹp như thế nào?
- 3. Em hãy tìm những câu tả hình dáng, cử chỉ khỏe, đẹp của anh thợ đốt lò.
- 4. Tìm từ cùng nghĩa với từ « thợ ».
- 5. Em đọc lại thông thả 2 câu đầu và 2 câu cuối của bài thơ.

44. LÊN CAO (Học thuộc lòng)



Kìa anh thợ diện lên cao!
Chào anh, gió hát rì rào hàng dương.
Liều lo, chim hót yêu thương
Tùng đôi sà xuống, lượn vờn quanh anh.
Trời xanh xanh, đất xanh xanh
Bóng anh đứng giữa mông mênh đất trời.

Mắc muôn dòng điện sáng ngời
Về nơi xóm vắng, về nơi thị thành.
Mai sau em lớn bằng anh
Em đi, mắc điện sáng quanh địa cầu.

VÔ VĂN TRỰC

- ★ 1. Anh thợ điện treo lên cột điện để làm gì?
2. Gió và chim rất mến anh thợ điện. Em hãy tìm những từ ngữ cho biết điều đó?
3. Bóng dáng anh thợ điện đứng trên cao trông rất đẹp. Những câu thơ nào tả vẻ đẹp ấy của anh?
4. Tìm một số từ lấy tả tiếng động của gió (ví dụ: rì rào), tiếng hót của chim (ví dụ: ltu lo).

45. MÀU MEN CÁNH GIÀN

Chú Nguyễn ở bộ đội chuyển về, làm trong nhà máy sứ. Cương chơi rất thân với chú. Một hôm, chú mang về hai gói: đất và đá. Cương múc nước giúp chú lọc đất. Cương giúp chú nghiền đá.

Mấy hôm sau, Cương lại đến chơi nhà chú. Vừa thấy Cương, chú đã reo to:

— Vào đây, Cương! Chú đợi mãi!

Chú cho Cương một lọ mực loe miệng màu men cánh gián mới nung và nói hề há:

— Nước men này là do chú cháu mình chế ra hôm ấy đấy!

Cương há mồm, ngạc nhiên. Cương ngẫm mãi màu men. Thoạt nhìn, nước men màu nâu. Ngẫm lâu, lại thấy phảng phất sắc tím pha đỏ, trông thật thích mắt! Cương chợt ngược mắt nhìn chú Nguyễn, một con người xương xương, lúc nào cũng say mê, ngẫm nghĩ để tìm ra những nước men đẹp.

Theo ĐỖ VĂN

thuongmaitruongxua.vn



★ 1. Chú Nguyễn làm việc ở đâu? Cương giúp chú lọc đất, nghiền đá để làm gì?

2. Chú Nguyễn tặng Cương vật gì? Tại sao Cương lại há mồm ngạc nhiên?

3. Màu men cánh gián của lọ mực mới nung đẹp như thế nào?

4. Chú Nguyễn say mê làm việc gì?

5. Tìm trong bài 2 danh từ riêng chỉ tên người và xếp 2 danh từ riêng đó theo thứ tự bảng chữ cái.

46. BÁC THỢ XÂY VUI TÍNH

(Bắt đọc thêm)

Trời gần đứng bóng, Hồ đang dạo bước trên vỉa hè. Bỗng một tiếng gọi giật lại:

— Này, cậu bé, lại đây!

Hồ vội quay lại. Bác thợ xây quen thuộc đang tươi cười hồ hởi. Khuôn mặt trắng nắng còn đọng mấy vệt mồ hôi khô trắng.

— Đói chưa? Đây, ăn đi.

Bác thợ gửi vào tay Hồ một màu bánh xốp còn nóng hổi lẫn cả mùi nồng của vôi. Hồ nhón miệng cười hớn hớn. Bác vỗ vỗ vào vai Hồ cười ha hả:

— Cháu có thích cái nghề vôi vữa này không đấy?

— Cháu rất thích ạ.

— Khà khà... tốt lắm!

Bác thợ vừa trò chuyện vừa xúc hồ trát thoăn thoắt. Chiếc bay trong tay bác loang loáng. Bức thành cao lên trông thấy. Hồ mãi xem bác thợ làm, quên cả đói.

Trích NGUYỄN NHÔ

CHÍNH TẢ

Bài 1. Chính tả (nghe đọc): Anh thợ đốt lò.

1. Bắt viết: cả bài.

2. Viết đúng:

— chuyển, tỏa.

— màu, trái—cười, đều—dần—lửa.

3. Luyện tập:

a) Chọn các chữ sau: đây, khói, tay, sáng.

— Ghép vào trước (hoặc sau) chữ chuyển.

— Ghép vào sau chữ tỏa.

b) Điền vào chỗ trống:

— màu hay màu; ... xanh, pha ..., bà tiên có phép ...

— đều hay đều; ... dần, ... tay, ... tốt, ... lệ.

c) Viết những chữ có dấu hỏi trong bài.

Bài 2. Chính tả (so sánh): Màu men cánh gián.

1. Bắt viết:

Chú Nguyễn cho Cương một lọ mực lọc men mới nung. Cương ngạc nhiên ngắm màu men. Nước men màu nâu, phẳng phát sắc tím pha đỏ như màu cánh gián.

2. Viết đúng:

— Nguyên, lọc, ngắm, gián.

— chú, lọ, nung, sắc—miệng, ngạc, phẳng—mãi.

3. Luyện tập:

a) Phát âm phân biệt và viết đúng các cặp từ ngữ so sánh sau:

- chú bác ≠ trứ mua; màu sắc ≠ cái xác.
- phẳng phất ≠ phản động.
- mất mải ≠ mất miết; con gái ≠ dân tem thư.

b) Thêm chữ thích hợp vào các cặp từ sau:

... loe ≠ leo ...; ngấm ... ≠ lừa ... ngấm.

TỪ NGỮ

CÔNG NGHIỆP

I - Những từ ngữ cần ghi nhớ:

- Thợ điện, thợ dệt lò, thợ xây nhà máy, công trường, công nhân, kĩ sư.
- Kinh nghiệm, sáng kiến.

II - Bài tập:

1. Điền từ thích hợp vào các chỗ trống:

Khu nhà tập thể nơi em ở có ba bác ... ở cạnh nhà nhau. Bác Trục là ... và bác An là ... cùng làm việc ở nhà máy điện thành phố. Còn bác Nho là ... ở công trường xây dựng khu nam thành phố.

Tuy người thì làm việc ở ..., người thì ở ..., nhưng các bác rất thân với nhau. Cả ba bác đều là thợ giỏi có nhiều ... có giá trị. Bố em tuy là ... nhưng cũng học hỏi được ở các bác rất nhiều ...

2. (Làm ở nhà) Nếu một số nghề thợ khác nữa ở các nhà máy, công trường mà em biết.

NGỮ PHÁP

TẬP XẾP TÊN NGƯỜI THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI

1. Đọc lại 29 chữ cái theo đúng thứ tự bảng chữ cái.

2. Xếp tên các bạn sau đây: Hưng, Vương, Thịnh, Minh, Lai theo đúng thứ tự bảng chữ cái.

3. Nếu tên người có cùng chữ cái đầu thì căn cứ vào chữ thứ hai để xếp trên dưới. Ví dụ:

Hà, Hòa, Hùng.

Chữ thứ 2 trong tên ba người trên là a, o, u.

4. Nếu tên người có 2 chữ cái đầu giống nhau thì căn cứ vào chữ thứ 3 để xếp thứ tự trên dưới:

Dục xếp trên Dung (vì chữ c trên chữ n).

5. Xếp tên các bạn sau đây theo thứ tự bảng chữ cái: Định, An, Khả, Phương, Mạnh, Điện, Kinh, Phụng, Gái, Minh.

TẬP LÀM VĂN

DÙNG TỪ ĐẶT CÂU

Đề bài: Em hãy dùng mỗi từ ngữ sau đây đặt thành một câu nói về chú công nhân điện:

Thợ điện, yêu thương, sáng ngời, đầy điện, mặc điện.

TUẦN LỄ THỨ 29

47. CÁNH TAY KHÔNG LÒ



Bến cảng lúc nào cũng đông vui. Tàu mẹ, tàu con đậu đầy mặt nước. Xe anh, xe em tíu tít nhận hàng về và chở hàng ra. Tất cả đều bận rộn. Nhưng hăng hái nhất và khỏe nhất là

bác cần trục. Người bác không cao to, tiếng bác không ầm ĩ, chỉ có cái cánh tay của bác thì thật là đặc biệt.

Cái cánh tay ấy vươn lên, sừng sững và chuyển động rất chậm, rất chậm. Tàu nào có hàng cần bốc lên là cần trục vươn tới. Hòm nhỏ, hòm to, cần trục xách một tay cứ như không. Cả những chiếc ô tô, những cỗ máy lớn, cần trục cũng chỉ khẽ cúi xuống, vươn tay ra, móc lấy sợi dây chằng rồi từ từ nhấc lên.

Cần trục đúng là cánh tay kì diệu của các chú công nhân.

Theo PHONG THU

★1. Ở bến cảng em thấy có những gì đông vui?

2. Hăng hái nhất và khỏe nhất ở bến cảng là ai? Tìm những từ ngữ tả dáng điệu, cử chỉ của bác cần trục khi bác làm việc.

3. Những câu nào, từ nào diễn tả sức khỏe kì lạ của bác cần trục? (Đọc thông thả lại những câu đó)

4. Vì sao có thể nói: Cần trục đúng là cánh tay kì diệu của các chú công nhân ở bến cảng?

5. Tìm từ trái nghĩa với từ «không lồ». Đặt một câu với từ đã tìm.

48. EM MUỐN LÁI MÁY BAY

(Học thuộc lòng)



.....
Em muốn lái máy bay
Miễn dạy em cầm lái.
Đồ xăng vào bình chứa,
Nhờ máy, cánh quạt quay.
«Vù lên trời, máy ơi,
Cùng với chim ca hát».

Chẳng sợ gió

sợ mưa gì hết.

Tôi bay qua đám mây,
Lững lơ lững chùng trời
Lượn như chim âu trắng,
Tôi bay trên biển năng.
Núi kia cao đến đâu,
Cũng bay vượt trên đầu.
«Mây ơi, đưa ta đi

lên tận trắng, sao

Dầu trắng, sao

xa lơ xa lác».

Trích V. MAIACOPSKI
(Liên Xô)

★ 1. Em bé mơ ước được lái máy bay, nhưng đã tưởng tượng khi bay lên trời sẽ được làm bạn với ai?

2. Em bé cũng tưởng tượng sẽ được bay qua những đâu và bay tới những nơi nào?

3. Tìm trong bài những từ ngữ tả các cách bay khác nhau của em bé.

4. Tìm một số từ ghép có tiếng «xa» ở đâu (ví dụ: xa lác).

49. MẸ THỦY



Một lần, Thủy được một chú công nhân dẫn vào sâu trong công trường.

Ở tít trên cao, lại đội chiếc mũ hàn che kín mặt, thế mà mẹ vẫn nhìn thấy Thủy. Mẹ cười mũ, cười. Còn Thủy thì đứng dưới, giơ bàn tay bé xiu vẫy chào mẹ. Rồi mẹ quay sang phía chiếc cần cầu cao lêu lêu. Chiếc cần cầu đang chĩa bàn tay sắt tới chỗ mẹ. Một chốc sau, Thủy

nhận được hai chiếc kẹo mẹ gói vội trong một tờ giấy nhỏ, gửi theo xuống.

Một cô công nhân rất trẻ vừa nhanh nhẹn móc dây vào tấm bê tông, vừa cười và nói:

— Thủy có muốn lên với mẹ không, ngồi vào đây, cô bảo cần cầu bế lên?

Thủy bẽn lẽn đứng im, lắc đầu.

Trích THÁI BÁ TÂN

★1. Mẹ Thủy làm nghề gì và đang làm việc ở đâu?

2. Trông thấy nhau, hai mẹ con chào nhau như thế nào?

3. Chiếc cần cầu đưa vật liệu lên cho mẹ Thủy làm việc bằng cái gì? Khi cần cầu trở xuống mẹ Thủy gửi theo cho Thủy cái gì?

4. Biết cô công nhân nói đùa, Thủy đã làm gì?

5. Tìm trong bài hai từ ghép có tiếng « công » ở đầu. Đặt một câu với mỗi từ đó.

50. ĐOÀN TÀU CHỜ HÀNG

(Bài đọc thêm)

Một đoàn tàu chở hàng đang xinh xịch chạy, phun khói trắng xóa. Phía trước là đầu máy rồi đến năm toa nối nhau. Toa cuối cùng là một toa bỏ không, vừa chạy vừa khua vang âm ỉ và hò hét to nhất.

Toa cúi chạy trước nó liền hỏi:

— Có gì mà cậu hò hét diếc cả tại thế?

Chiếc toa không liền trả lời:

— Tôi là một cái toa danh tiếng lừng lẫy. Tuần trước tôi đã chở một con sư tử cho vườn bách thú đấy nhé!

Toa cúi nói:

— Cậu thì có gì ghê gớm! Nếu tôi không kéo cậu đi thì cậu phải đứng tại chỗ.

Toa khoai nghe nói vậy, lanh canh lên tiếng:

— Thôi đi các cậu! Chính tôi kéo hai cậu chạy theo!

Toa gạo mĩa mai nói:

— Nói gì vậy? Cả ba cậu đều do tôi kéo hết!

Toa sách báo nghe vậy liền cười:

— Các cậu nhầm rồi! Chính tôi kéo cả bốn cậu!

Dầu máy thở phì phì và tức giận nói:

— Sao các cậu kêu căng đến thế! Không có tôi thì tất cả các cậu đều chết đi tại chỗ!

Bỗng đoàn tàu chạy chậm dần rồi dừng lại...

Toa sách báo liền hỏi:

— Anh dầu máy! Tại sao anh không chạy? Anh vừa bảo anh kéo tất cả chúng tôi cơ mà?

Dầu máy trả lời:

— Người lái tàu hãm tôi lại. Và người ấy đã muốn thì tôi đành chịu!

Theo EDUARD PETIZKA (CHDC Đức)
TRÚC MAI và NHỊ HÀ lược dịch

CHÍNH TẢ

Bài 1. Chính tả (nghe đọc): Cánh tay không lờ.

1. Bài viết: «Cái cánh tay ấy ... nhắc lên».

2. Viết đúng:

— sừng sững, chuyền, trực, hòm.

— xách — vươn, hàng — cổ, khế.

3. Luyện tập:

a) Xếp các ô chữ sau đây cho thành câu:

vuôn lên	Cần trực	sừng sững	và
----------	----------	-----------	----

rất chậm	chuyền động
----------	-------------

ra	vuôn tay	Cần trực	cổ máy	lên	nhắc
----	----------	----------	--------	-----	------

b) Ghép chữ rồi đọc lên:

— Ghép chục hay trực vào các chữ: cần, trạng.

— Ghép hàng hay hòm vào các chữ: cửa, thợ.

— Ghép chữ khế vào các chữ: khế, nói.

Bài 2. Chính tả (trí nhớ): Trâu ơi!

1. Bài viết: cả bài.

2. Viết đúng:

— ngoài, cấy cấy, nghiệp, gia.

— trâu, nông — quân — bảo.

3. Luyện tập:

a) Ghép chữ rồi đọc lên:

- Ghép chữ ngoài với các chữ: sân, biển.
- Ghép chữ trong với các chữ: nghề, tội.

b) Điền vào chỗ trống:

- tr hay ch: con ...au; con ...au cháu.
- n hay ng: Không quả ... công; quả ... trường Ba Đình.
- bảo hay báo: dạy ..., trận ...

TỪ NGỮ

GIAO THÔNG VẬN TẢI

I — Những từ ngữ cần ghi nhớ:

- Ôtô, tàu hỏa, tàu thủy, máy bay, nhà ga, bến cảng, cần trục.
- Chuyên chở, vận chuyển, an toàn.

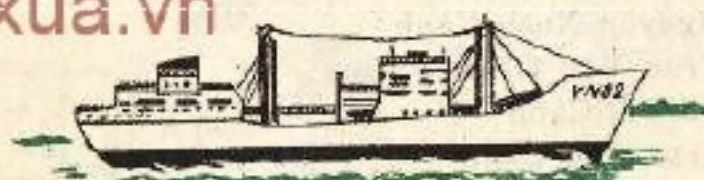
II — Bài tập:

1. Điền từ ngữ thích hợp vào những chỗ trống:
Chúng ta đi lại, chuyên chở trên đường bộ bằng ... hoặc Muốn đi lại bằng đường không chúng ta có Ngoài ra, muốn ... trên sông, trên biển, chúng ta có ... Tàu thủy đậu ở ... Tàu hỏa đỗ ở ...

Ở các bến cảng thường có những chiếc ... không lồ để bốc dỡ hàng hóa từ tàu biển lên.

Chú Phong là một công nhân lái xe vận tải rất lành nghề. Xe chủ ... hàng tấn hàng và chạy hàng nghìn cây số đường dài mà vẫn ...

2. (Dành cho học sinh khá và giỏi) Điền các từ sau đây vào những chỗ trống: nhỏ neo, chuyên bánh, nổ máy, cất cánh. Ôtô... Tàu hỏa... Máy bay... Tàu thủy...



NGỮ PHÁP

TẬP XẾP TÊN NGƯỜI THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI (tiếp theo)

1. Nếu 2 người trùng tên thì căn cứ vào Họ để xếp trên dưới:

Nguyễn Hữu Hưng xếp trên Trịnh Văn Hưng (vì N trên T).

2. Nếu 2 người trùng tên, trùng họ thì căn cứ vào chữ lót để xếp trên dưới:

Trịnh Anh Hạnh xếp trên Trịnh Văn Hạnh (vì A trên V);

hoặc: Đỗ Quang xếp trên Đỗ Văn Quang (tên người nào ít tiếng thì xếp trên).

3. Em có 5 bạn tên là:

- Nguyễn Xuân Cảnh
- Trần Văn Cảnh
- Đỗ Thị Cảnh
- Trần Tấn Cảnh
- Đỗ Đức Cảnh

Em hãy xếp tên 5 bạn đó theo thứ tự bảng chữ cái.

TẬP LÀM VĂN

DÙNG TỪ ĐẶT CÂU

Đề bài: Em hãy dùng mỗi từ ngữ sau đây đặt thành một câu nói về chiếc cần trục:

Cần trục, sừng sừng, cao lêu đêu, bàn tay sắt, cánh tay kì diệu.

TUẦN LỄ THỨ 30

51. ÔNG BÁC SĨ GIÀ



Đêm ấy, bé Văn sốt cao, phải vào bệnh viện. Em lo lắng nhìn ông bác sĩ già đeo kính trắng, cổ đeo cái ống nghe như chiếc vòng bạc. Khi khám cho Văn, đôi mày ông cứ nhíu lại như nghĩ

ngợi điều gì. Cuối cùng, đôi mắt ông sáng lên làm mẹ và Vân thấy nhẹ cả người: «Cháu bị cảm thôi! Chị cứ yên tâm».

Đêm ấy, Vân thức dậy mấy lần. Lần nào Vân cũng thấy cái bóng áo trắng và những bước chân vội vã của ông đi qua. Mẹ bảo: «Đêm nay, có bốn, năm ca cấp cứu. Bác sĩ làm việc suốt đêm!».

Đến bây giờ, Vân vẫn không quên được khuôn mặt hiền từ, mái tóc sợi đen sợi trắng, đôi mắt đầy yêu thương và lo lắng của ông.

NGÔ QUÂN MIỆN

thuongmaitruongxua.vn

★ 1. Khi bác sĩ khám bệnh cho bé Vân, tại sao đôi mắt ông lúc đầu «cứ nhúu lại», sau đôi mắt ông lại «sáng lên»?

2. Đêm ấy, mỗi lần Vân thức dậy lại thấy «những bước chân vội vã» của ông bác sĩ đi qua. Em có biết vì sao không?

3. Vân không quên được đôi mắt ông «đầy yêu thương và lo lắng». Ông yêu thương ai và lo lắng cho ai?

4. Tìm một số từ chỉ những người làm các nghề khác nhau (ví dụ: bác sĩ...).

52. GIỌT MỒ HÔI

(Học thuộc lòng)



Mồ hôi mà đổ xuống đồng,
Lúa mọc trùng trùng sáng cả đôi nương.
Mồ hôi mà đổ xuống vườn,
Dâu xanh lá tốt vắn vương tơ tằm.
Mồ hôi mà đổ xuống đầm,
Cá lội phía dưới, rau nằm phía trên.
Mồ hôi xuống, cây mọc lên,
Ăn no, đánh thắng, dân yên, nước giàu.

THANH TỊNH

★1. « Giọt mồ hôi » ở đây ý nói công việc của người nông dân như thế nào?

2. Sáu câu đầu cho biết mồ hôi của người nông dân đổ xuống những đâu?

3. Công việc lao động vất vả đó của họ đã đem lại những kết quả cụ thể gì?

4. Qua hai câu cuối, tác giả cho biết sức lao động của người nông dân đã có tác dụng gì?

5. Tìm từ gần nghĩa với các từ: đồng, đảm.

53. MỘT BUỔI ĐI THĂM ĐOÀN ĐỊA CHẤT

Mới sáng, trời đã bức. Rừng bạc thếp, đứng im. Trên trời không gọn một bóng mây. Hôm nay, tôi đi thăm các bộ phận lò, giếng...

Đáy! Đèo cao, rừng thâm! Con đường đến các bộ phận toàn là rừng với núi. Có quãng phải vượt qua rừng song, thân lồm chồm gai nhọn. Song đàn chàng chịt như một cái giàn mướp khổng lồ, muốn vượt qua phải bò cả « bốn chân », hoặc ngồi chồm chồm xuống, đi như vẹt. Tính cả đi lẫn về, phải vượt qua mười bốn quả núi... Con chó trâng đi theo chúng tôi, khi leo lên tới đỉnh núi, toàn thân nó ướt đầm, bộ lông xù ướt mềm bết xuống tận da. Còn tôi, trước khi đi có chặt một cây nhỏ làm gậy, vì biết phải leo qua nhiều núi. Nhưng leo đến quả núi thứ hai thì tôi

đã cảm thấy cây gậy to và nặng quá. Đề được nhẹ hơn, tôi bóc dần vỏ tươi của cây gậy, đến lúc sạch nhẵn vẫn thấy nó nặng quá sức mình. Tôi cởi áo ngoài, quần ngang bụng. Mồ hôi như tắm, chảy vào mắt, vào mũi, mặt đỏ, cay xè...

Theo DINH PHONG NHÀ



— Lò, giếng: các bộ phận thăm dò địa chất dưới lòng đất sâu: (Lò — đào xuyên ngang quả núi để tìm quặng. Giếng — đào sâu dưới lòng đất để tìm quặng).

★1. Trên con đường dẫn đến các bộ phận lò, giếng của đoàn địa chất, tác giả gặp toàn những gì?

2. Muốn vượt qua một quang rừng song, tác giả phải đi như thế nào?

3. Cả đi lẫn về phải vượt qua bao nhiêu quả núi? Những sự việc gì chứng tỏ việc leo núi cực kì vất vả, khó nhọc? (con chó trắng, cây gậy nhỏ).

4. Câu văn cuối cùng diễn tả sâu sắc nỗi mệt nhọc ghê gớm tác giả đã phải chịu đựng. Em hãy đọc thông thả lại câu đó.

5. (Học sinh khá và giỏi) Đặt một câu với mỗi từ: ướt đầm, ướt sũng.

54. AI MẠNH NHẤT TRÊN ĐỜI?

(Bai đọc thêm)

Chú gà rừng đến bờ sông để tìm nước uống cho đỡ khát. Chú ta tìm được một chỗ nước chưa đóng băng tròn như cái đĩa. Chú uống cho đến lúc đôi cánh cũng bị băng đóng cứng đờ.

— Ô! Bang! Anh thật mạnh biết bao!

— Không đâu gà rừng ạ! Mưa còn mạnh hơn mình nhiều. Hân làm mình tan ra thành nước đấy.

Mưa nói:

— Không, đất mạnh hơn chứ! Mình vừa rơi xuống, hân đã nuốt chửng!

— Cay mạnh hơn tôi nhiều — đất phản trần — Hân đứng ở trên người tôi và hút hết sức mạnh của tôi.

Cay lắc đầu:

— Không! Lừa đúng là có sức mạnh ghê gớm. Hân thè những lưỡi lừa dài và thiêu rụi thành tro.

— Đúng, nhưng chàng gió lại có thể dập tắt được nó — Lừa khiêm tốn đáp lại.

Gió chậm rãi nói:

— Mình có thể dập tắt lửa, nhưng các bạn xem, thằng cô nhóc vẫn đứng hiên ngang trong gió bão. Cô mới xứng đáng là kẻ mạnh nhất.

Cô xua tay từ chối:

— Tôi mà mạnh à? Bác Cừu đến chén tôi ngon ơ, các bạn ạ!

Cừu kêu to:

— Không, không! Người có thể bắt gà rừng, làm tan băng, tắm trong mưa, cày đất, cưa đờ cây, dập tắt lửa, bắt gió làm việc cho họ, cắt cỏ và ăn thịt cả tôi nữa đấy! Người mới là mạnh nhất trên đời.

Theo Truyện cổ Kiếc-gi
(VŨ PHƯƠNG NGỌC lược dịch)

CHÍNH TẢ

Bài 1. Chính tả (nghe đọc): Ông bác sĩ già.

1. **Bài viết:** « Đêm ấy ... của ông ».

2. **Viết đúng:**

— đây, suốt, khuôn, Van.

— trắng, cứu—mặt—vội vã.

3. **Luyện tập:**

a) **Chọn và ghép chữ:**

— Ghép chữ: *đêm*, *trong* với chữ *suốt*.

— Ghép các chữ: *trát* *xoan* với các chữ *khuôn* *mặt*.

b) **Điền vào chỗ trống:**

— *cầu* hay *kêu*: *cấp* ..., *nghiên* ..., *ngõng* *kêu* ... *kêu*.

— *một* hay *mặc*: *rửa* ..., *ăn* ... *gọn* *gàng*.

Bài 2. Chính tả (so sánh): Một buổi đi thăm đoàn địa chất.

1. **Bài viết:**

Đèo cao, rừng thâm. Có quãng phải vượt qua rừng song thân lồm chồm gai nhọn. Song đàn chàng chịt. Con chó trắng khi leo tới đỉnh núi, toàn thân nó ướt đầm.

2. **Viết đúng:**

— quãng, chàng chịt, lồm chồm, toàn, đầm.

— rừng, song—đàn, ướt, —đỉnh.

3. **Luyện tập:**

a) **Phát âm phân biệt và viết đúng các cặp từ so sánh sau đây:**

— rừng núi ≠ đứng lại; cây song ≠ làm xong bài.

— đàn áo len ≠ đang làm việc; ướt đầm ≠ ước mơ.

— quãng đường đi ≠ quãng trường; đỉnh núi ≠ đỉnh đặc.

b) **Thêm chữ thích hợp vào cặp từ sau:**

— ... chàng chịt ≠ ... chân tình.

TỪ NGỮ

Ôn tập chủ đề NHÂN DÂN TA

1. Em hãy kể tên một số nghề của người công nhân, ví dụ: công nhân điện, công nhân xây dựng, v.v...

2. Qua bài từ ngữ về công nghiệp đã học, em hiểu người thợ giỏi là người như thế nào? Tìm trong bài từ ngữ về giao thông vận tải một từ gần nghĩa với từ « thợ giỏi ».

3. Hãy kể một số công việc đồng áng mà các bác nông dân thường làm.

4. Tìm một thành ngữ (trong bài từ ngữ về nông nghiệp đã học) nói lên nỗi vất vả, khó nhọc của người nông dân trong việc làm ra hạt thóc hạt gạo. Nếu thêm một vài thành ngữ khác nữa nếu em biết (dành cho học sinh khá và giỏi).

5. Đặt một câu với mỗi từ ngữ sau đây nói về anh bộ đội: yêu nước thương dân, dũng cảm, nắm chắc tay súng.

NGỮ PHÁP

TẬP XẾP TÊN NGƯỜI THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI (tiếp theo)

1. Những trường hợp không thể dựa vào chữ cái, không thể dựa vào họ hoặc chữ lót để xếp trên dưới thì làm thế nào?

Ví dụ: Nguyễn Văn Hân, Nguyễn Văn Hân,
Nguyễn Văn Hân. Trong trường hợp này, người
ta dựa vào dấu thanh theo thứ tự trên dưới:

1. Thanh ngang (không dấu)
2. Thanh huyền (˘)
3. Thanh hỏi (?)
4. Thanh ngã (~)
5. Thanh sắc (/)
6. Thanh nặng (.)

Vì vậy ta xếp thứ tự Hân, Hân, Hân.

2. Em hãy xếp tên các bạn sau đây theo thứ tự
bảng chữ cái: Minh, Phùng, Kha, Định, Mạnh, Khả,
Đinh, Phụng, Phượng, Đinh.

TẬP LÀM VĂN

DÙNG TỪ ĐẶT CÂU

Đề bài: Em hãy dùng mỗi từ ngữ sau đây đặt
thành hai câu nói về người thầy thuốc:

Bác sĩ, yêu thương, cấp cứu...

Suy nghĩ trước khi đặt câu:

1. Ở bệnh viện, ai khám bệnh cho các em?
2. Các bác sĩ thường dùng vật gì để khám bệnh?
3. Vì sao các bác sĩ hết lòng chăm sóc người
bệnh?
4. Nếu một ví dụ cho thấy tấm lòng đầy yêu
thương đó của các bác sĩ?
5. Khi nào các bác sĩ phải làm việc suốt đêm?
6. Vì sao gặp những ca cấp cứu, các bác sĩ phải
làm việc vất vả?



Bác Hồ

55. CÓ NHỮNG MÙA ĐÔNG

Có một mùa đông, Bác Hồ sống bên nước Anh. Lúc ấy Bác còn trẻ. Bác làm việc cào tuyết trong một trường học để có tiền sinh sống. Công việc này rất mệt nhọc. Minh Bác dầm mồ hôi, nhưng tay chân thì lạnh cóng. Sau tám giờ làm việc, Bác vừa mệt, vừa đói.

Lại có những mùa đông, Bác Hồ sống ở Pa-ri, thủ đô nước Pháp. Bác trọ trong một khách sạn rẻ tiền ở xóm lao động. Buổi sáng, trước khi đi làm, Bác để một viên gạch vào bếp lò. Tối về Bác lấy viên gạch ra, bọc nó vào một tờ giấy báo cũ, để xuống dưới nệm nằm cho đỡ lạnh.

TRẦN DÂN TIÊN

— *Tuyết*: ở những xứ lạnh, khi trời rét quá, hơi nước đông lại và rơi xuống mặt đất, xộp và trắng. Tuyết rơi xuống làm cho đường sá rất trơn và khó đi lại. Người ta phải cào tuyết thành từng đống để lấy lối đi.

— *Khách sạn*: ngôi nhà lớn để cho khách nghỉ trọ và ăn uống.

★1. Lúc ở nước Anh, Bác Hồ phải làm nghề gì để sinh sống?

2. Câu văn nào diễn tả nỗi vất vả, mệt nhọc của Bác khi cào tuyết?

3. Lúc ở Pa-ri, Bác phải làm gì để chống rét?

4. Tìm những từ gần nghĩa với từ *lạnh*.

5. Bác Hồ đi các nước để làm gì? (câu dành cho học sinh khá và giỏi)

56. NHỚ ƠN BÁC HỒ (Học thuộc lòng)



Đố ai đếm được lá rừng
Đố ai đếm được mấy tầng trời cao

Đố ai đếm đủ vì sao
Đố ai đếm được công lao Bắc Hồ.

Bắc Hồ là vị cha chung
Là sao Bắc Đẩu, là vùng thái dương.

(Ca dao)

— Sao Bắc Đẩu: tên một chòm sao trong đó có sao Bắc cực ở đúng phương bắc giúp cho người ta tìm được phương hướng lúc ban đêm. Ở đây ý nói Bắc Hồ là người vạch ra phương hướng cho cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi.

— Thái dương: mặt trời.

★ 1. Trong bốn câu thơ đầu, những từ « đố ai » được nhắc lại 4 lần nhằm nhấn mạnh ý « rất nhiều ». Em hãy đọc lại và nhấn giọng ở những từ đó.

2. Tác giả ví công lao không kể xiết của Bắc Hồ đối với nhân dân ta với những vật gì?

3. Tại sao lại ví Bắc Hồ với sao Bắc Đẩu, với vùng thái dương?

4. Đặt một câu với mỗi từ: công lao, công ơn.

57. BẮC HỒ Ở CHIẾN KHU

Một nhà sàn đơn sơ vách nứa,
Bồn bên suối chảy cá bơi vui
Đêm đêm cháy hồng bên bếp lửa,
Ánh đèn khuya còn sáng trên đôi.

Nơi đây sống một người tóc bạc,
Người không con mà có: triệu con,
Nhân dân ta gọi Người là Bắc
Cả đời Người là của nước non.

NGUYỄN ĐÌNH THI



— Chiến khu: khu căn cứ của ta trong cuộc kháng chiến chống bọn xâm lược Pháp. Đây là chiến khu Việt Bắc, nơi Bắc Hồ và Trung ương đã ở từ năm 1947 đến 1954.

— Nhà sàn: một kiểu nhà của đồng bào miền núi có sàn cao cho người ở để tránh ẩm thấp và thú dữ.

★ 1. Hình ảnh nào cho em biết ở chiến khu Bác sống rất giản dị?

2. Bác đã làm việc suốt ngày đêm không biết mệt mỏi. Nhưng câu thơ nào cho em biết điều đó?

3. « Người không con, mà có triệu con »: « triệu con » đây là ai?

4. (Học sinh khá và giỏi) Em hiểu câu: « Cả đời Người là của nước non » ý nói gì?

5. Từ « đem » và từ « đem đem » nghĩa khác nhau như thế nào? Tìm một vài từ lấy giống như thế.

58. MỘT QUE DIÊM

(Bắt đọc thêm)

Sau khi đến thăm nhà câu lạc bộ, nhà ăn và ra xem chuồng lợn, Bác đi vào nhà bếp. Thấy đồng chí Hào, tổ trưởng anh nuôi của đơn vị đang bẻ một nùi cơm to từ trên bếp lò xuống, Bác vui vẻ hỏi:

— Mỗi bữa chủ ăn được mấy bát?

— Thưa Bác, cháu ăn được ba bát ạ!

Bác thân mật nói tiếp:

— Chú ăn được như vậy là tốt!

Nói xong, Bác mở hộp thuốc lá lấy một điếu đưa cho Hào:

— Bác biểu chú, hút đi!

Rồi Bác lấy một điếu khác ra đề hút.

Thấy Bác đang tìm đóm đề châm lửa, Hào nhanh nhẹn rút bao diêm trong túi áo mình ra,

lấy một que định quẹt lửa mời Bác. Bác liền giơ tay ngăn lại:

— Chú đừng dành diêm mà nhóm bếp. Bác châm lửa ở trong lò cũng được.

Ngừng một lát, Bác hỏi Hào:

— Chú có biết phải qua tay bao nhiêu người mới làm ra một que diêm không?

— Thưa Bác có ạ!

Bác ân cần nhắc nhở:

— Vì vậy mỗi khi dùng một que diêm, chúng ta cũng phải nghĩ tới công sức của bao nhiêu người!

THAO VŨ TRỌNG TÂM

CHÍNH TÀ

Bài 1. Chính tả (nghe đọc): Có những mùa đông.

1. Bài viết: « Lại có những... đồ lạnh ».

2. Viết đúng:

— tro, khách sạn—bếp—rẻ, cũ.

— Bác Hồ, Pa-ri, Pháp, nệm.

3. Luyện tập:

a) Viết các tên riêng trong bài theo thứ tự bảng chữ cái.

b) Điền vào chỗ trống.

— nệm hay nệm: tấm . . . , giường trải . . . , ki . . .

— bếp hay bếp: củi nỏ lép . . . , bác nởi lên . . .

— cũ hay cũ: tờ báo . . . , cây cải . . .

Bài 2. Chính tả (trí nhớ): Em muốn lái máy bay.

1. Bài viết: « Em muốn... biền năng ».

2. Viết đúng:

— máy, miễn, xăng, quay.

— chứa, chừng — muốn, hót — nò, dờ.

3. Luyện tập:

a) Chọn chữ và ghép đúng:

— Chọn trong các chữ: bay, phát, cây, gờ để ghép với chữ máy, mảy.

— Chọn trong các chữ: tròn, nón, phấm, đẹp ghép với chữ quay, quai.

b) Điền vào chỗ trống:

— ch hay tr: lưng ... ừng trời, bị ... ừng phạt.

— n hay ng: muối ... ăn rau muối ... phải lội xuống ao.

TỪ NGỮ

Ôn tập cuối năm: NHÀ TRƯỞNG GIA ĐÌNH

1. Em hãy tìm những danh từ chỉ tên các phòng và các khu vực dành cho việc học tập, lao động và giải trí trong trường học của em.

2. Tìm một số từ ngữ nói về các nét tốt của một học sinh ngoan. Đặt một câu với mỗi từ sau đây: chuyên cần, chăm chỉ, lễ phép, khiêm tốn.

3. Hãy kể những người trong gia đình, họ hàng có quan hệ thân thiết, ruột thịt với nhau.

4. Người trong một gia đình phải sống với nhau như thế nào? Đặt một câu với mỗi từ sau đây: đầm bọc, hòa thuận.

5. (Dành cho học sinh khá và giỏi). Em nào còn nhớ một thành ngữ đã học nói về mối tình cảm thương yêu, đầm bọc lẫn nhau trong một gia đình (hoặc trong một tập thể)? (Bài từ ngữ về Gia đình, tuần 6).

NGỮ PHÁP

TÓM TẮT CÁCH XẾP TÊN NGƯỜI THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI

1. Căn cứ vào chữ đầu, chữ thứ 2, chữ thứ 3 của tên người để xếp thứ tự (xem bài tuần 28).

2. Trường hợp trùng tên thì căn cứ vào họ và chữ lót để xếp thứ tự (bài tuần 29).

3. Ngoài ra, người ta còn dựa vào thứ tự đầu thanh để xếp thứ tự trên dưới (xem bài tuần 30).

4. Bài tập ở nhà: Học sinh chia làm 2 nhóm, mỗi nhóm tập xếp thứ tự họ tên các bạn trong nhóm theo các bài đã học (mỗi nhóm có thể gồm 2 tổ).

TẬP LÀM VĂN

DÙNG TỪ ĐẶT CÂU

Đề bài: Dựa vào bài tập đọc «Cổ những mùa đông», em hãy dùng mỗi từ ngữ sau đây đặt thành hai câu nói về Bác Hồ kính yêu:

cáo tuyết, viên gạch, công lao.

Suy nghĩ trước khi đặt câu:

1. Hồi còn trẻ ở nước Anh, Bác sống bằng nghề gì?

2. Nghề cáo tuyết nặng nhọc như thế nào?

3. Hồi ở Pháp, mùa đông Bác làm cách nào để ấm cho ấm?

3. Bác đặt viên gạch ở đâu?

5. Vì sao nhân dân ta vô cùng biết ơn Bác?

6. Câu ca dao nào em đã học nói lên công lao to lớn của Bác?

TUẦN LỄ THỨ 32

59. THƯ CỦA CHÚ NGUYỄN



... Có lẽ rất lâu, các cháu sẽ không được thấy chú Nguyễn, không được leo lên đùi, lên lưng chú như các cháu thường làm. Và cũng rất lâu, chú sẽ không thấy cháu gái A-lit-xơ và cháu trai Pôn của chú. Khi chú cháu mình gặp nhau, có lẽ chú đã già, các cháu đã lớn bằng ba và má.

Điều đó không ngại gì. Chú sẽ luôn luôn nhớ đến các cháu. Các cháu luôn luôn vẫn là cô bé A-lit-xơ và cậu bé Pôn thân yêu của chú.

Các cháu ngoan, Học thuộc bài. Vâng lời cha mẹ. Đừng đánh con chó nhỏ Ma-ri-uyt của các cháu. Khi các cháu lớn lên, các cháu sẽ đấu tranh cho Tờ quốc của các cháu cũng như ba má, chú Nguyễn và những chú khác.

Các cháu nhỏ thân yêu của chú, chú hôn các cháu rất kêu...

. Trích thư CHÚ NGUYỄN

— Chú Nguyễn: tên gọi Bác Hồ hồi Bác hoạt động cách mạng ở Pháp.

— A-lit-xơ, Pôn: cháu gái 8 tuổi và cháu trai 4 tuổi, con một đồng chí người Ăng-ti (ở Trung Mỹ) cùng hoạt động với Bác Hồ ở Pháp trước khi Bác rời Pa-ri về hoạt động trong nước.

★ 1. Trong thư Chú Nguyễn nhắc lại kỉ niệm gì giữa Chú và các cháu A-lit-xơ, Pôn?

2. Tuy xa các cháu, nhưng tình cảm của chú Nguyễn đối với các cháu vẫn không thay đổi. Câu nào trong thư cho em biết điều đó?

3. Chú Nguyễn khuyên các cháu A-lit-xơ và Pôn những điều gì? Chú ước mong mai sau lớn lên các cháu sẽ làm gì?

4. Tìm những từ trái nghĩa với các từ: yêu, nhớ, ngoan.

60. TỜ NƯỚC TA

(Học thuộc lòng)

Hồng Bàng là tờ nước ta
Nước ta lúc ấy gọi là Văn Lang.

Thiếu nhi ta rất vẻ vang
Trẻ em Phù Đổng tiếng vang muôn đời
Tuổi tuy chưa đến chín mười
Ra tay cứu nước diệt loài vô lương...

Trích thơ BÁC HỒ

- ★ 1. Tờ nước ta tên là gì?
- 2. Tên đầu tiên của nước ta là gì?
- 3. Em bé đầu tiên ở nước ta có chiến công giết giặc giữ nước vẻ vang là ai?
- 4. Tìm một từ ghép gồm 2 tiếng cùng nghĩa với từ «tờ» ở trong bài.
- 5. Tìm các danh từ riêng trong bài. Xếp các từ đó theo thứ tự trong bảng chữ cái (căn cứ vào tiếng đầu của mỗi từ).

61. QUẢ TÁO CỦA BÁC HỒ

Hôm ấy, tòa Thị chính Pa-ri mở tiệc lớn đón mừng Bác. Tiệc tan, mọi người mời Bác ra phòng lớn uống nước và nói chuyện. Bác vui vẻ đứng dậy và cầm một quả táo đem theo. Nhiều người ngạc nhiên, nhiều con mắt tò mò chú ý.

Bác ra đến ngoài thì có một đám thiếu nhi riu rít chạy tới chào. Bác tươi cười bế một em gái nhỏ nhất lên và cho em quả táo. Mọi người bấy giờ mới vỡ lẽ và rất cảm động trước cử chỉ thương yêu của người.



Ngày hôm sau, câu chuyện «Quả táo của Bác Hồ» đều được các báo Pháp đăng lên đầu trang nhất. Các báo còn kể lại rằng em bé gái khi nhận được quả táo đó thì giữ khư khư trong tay, ai xin cũng không cho. Lúc về nhà, em để quả táo trên bàn học. Cha mẹ em bảo: «Con ăn đi, kéo dài lâu sẽ hỏng không ăn được». Nhưng em nhất định không ăn. Em

nói: «Đó là tảo của Bác Hồ cho con, con sẽ giữ thật lâu để làm kỉ niệm».

Theo cuốn «Bác Hồ kính yêu»

— Năm 1946, Bác Hồ sang thăm nước Pháp theo lời mời của tổng thống Pháp.

— Tòa Thị chính: nơi làm việc của chính quyền thành phố.

★ 1. Trong phòng tiệc đón mừng Bác Hồ, mọi người ngạc nhiên vì điều gì?

2. Câu nào cho em biết cử chỉ thương yêu rất mực của Bác Hồ đối với thiếu nhi?

3. Em bé gái trong bài rất kính yêu Bác Hồ. Những sự việc gì chứng tỏ điều đó?

4. Đặt một câu với mỗi từ: *khư khư*, *kỉ niệm*.

62. BÁC RẤT THƯƠNG LOÀI VẬT

(Bài đọc thêm)

Lúc ở chiến khu, Bác Hồ nuôi một con chó, một con mèo và một con khỉ. Thông thường thì ba loài đó vốn chẳng ưa nhau. Không biết Bác dạy thế nào mà chúng lại quấn quýt nhau, thường đùa giỡn, không hề trêu chọc hay cắn nhau bao giờ.

Mỗi lần dời nhà đi, có khi phải đi hai ngày mới tới chỗ mới, bao giờ con khỉ cũng nhảy

phốc lên ngồi trên lưng con chó to. Hễ con chó đi chậm, con khỉ cẩu hai tai chó giật giật. Con chó chạy sai thì khỉ gồ lưng như người phi ngựa. Chó chạy thông thả, khỉ buông thõng hai tay, ngồi ngúc nga ngúc ngắc. Ai trông thấy cũng phải cười. Con mèo đen có đốm trắng thì ngao ngao, lững thững chạy theo.

Con khỉ này rất nghịch nên các anh bảo vệ thường phải cột dây. Khi Bác ăn cơm, Bác mở dây và cho nó ăn. Bữa nọ, Bác vừa quay lưng ngó ra sân, nó bèn rón rén tới bốc trộm cơm của Bác và ngồi yên, giấu nấp cơm trong tay vờ như không có gì xảy ra. Tội vội kêu: «Sao mày bốc cơm của Bác?» Con khỉ vội lom khom chạy đi, vừa chạy vừa quay lại nhìn như sợ Bác giận. Bác mỉm cười, nụ cười rất hiền lành.

DIỆP MINH CHÂU là
ĐOÀN GIỚI GIỚI

CHÍNH TẢ

Bài 1. Chính tả (nghe đọc): Thư của Chú Nguyễn.

1. Bài viết: «Các cháu ngoan... rất kêu».

2. Viết đúng:

— Ma-ri-uyt, Tò quốc, Nguyễn.

— tranh, len — vàng, kêu — sẽ, những.

3. Luyện tập:

a) Viết các tên riêng trong bài chính tả theo thứ tự bảng chữ cái.

b) Điền vào chỗ trống:

- tranh hay chanh: bức ..., quả ..., đầu ..., nước...
- kêu hay kiêu: tiếng ..., ... căng, ... ca.
- vàng hay văn: ... lời, gỗ có ... đẹp.

Bài 2. Chính tả (so sánh): Bác Hồ ở chiến khu.

1. **Bat viết:**

Một nhà sàn đơn sơ vách nứa,
Bốn bên suốt cháy cá bơi vui,
Đêm đêm cháy hồng bên bếp lửa,
Ánh đèn khuya còn sáng trên đời.

2. **Viết đúng:**

- khuya, suối.
- sơ, cháy, nứa — đêm, cháy, *sáng — lửa.

3. **Luyện tập:**

a) **Viết đúng các cặp từ so sánh sau đây:**

- đơn sơ + xơ nuộc; nước cháy + tray qu.
- đêm ngày + đêm đi; bếp lửa + củi nỏ lếp bếp
- đèn sáng + sán đến gần; ngọn lửa + làn lửa.

b) **Phát âm phân biệt tiếng tn nghtang ở mỗi cặp từ ngữ trên.**

TỪ NGỮ

Ôn tập cuối năm: ĐẤT NƯỚC, NHÂN DÂN

1. **Tò quốc là gì?** Em hãy tìm những danh từ cùng nghĩa hoặc gần nghĩa với từ Tò quốc.

2. **Đặt một câu với mỗi từ sau đây:** đồng bằng, rừng núi, vùng biên.

3. **Nông thôn và thành phố có gì khác nhau?**

4. **Nông dân làm gì? Công nhân làm gì? Bộ đội làm nhiệm vụ gì?**

5. **Đặt một câu với mỗi từ sau đây nói về nhân dân ta:** cần cù, anh dũng, đoàn kết.

NGỮ PHÁP

Ôn tập: TIẾNG — TỪ — CÂU

1. **Tìm 1 từ do 1 tiếng tạo nên (ví dụ: an).**

Tìm 1 từ do 2 tiếng tạo nên (ví dụ: học sinh, xe đạp).

Tìm 1 từ do 3 tiếng tạo nên (ví dụ: hợp tác xã).

2. **Câu thường có 2 bộ phận chính: Bộ phận thứ nhất trả lời câu hỏi gì? Bộ phận thứ hai trả lời câu hỏi gì?**

— **Khi viết chữ đầu câu phải viết như thế nào? Cuối câu thường có dấu gì?**

3. **(Học sinh khá và giỏi)** Đoạn văn sau đây chưa chấm câu. Em hãy chấm câu và viết hoa chữ đầu câu.

Thầy giáo bước vào lớp cả lớp đứng dậy chào giờ học bắt đầu thầy gọi tên hai bạn lên đọc bài thầy khen các bạn thuộc bài và cho điểm tối sau đó thầy bắt đầu giảng bài mới cả lớp chăm chú lắng nghe.

TẬP LÀM VĂN

DÙNG TỪ ĐẶT CÂU

Đề bài: Em hãy dùng mỗi từ ngữ sau đây đặt thành hai câu nói về tình cảm của Bác Hồ đối với các cháu thiếu nhi:

thiếu nhi, Bác Hồ, thương yêu.

63. PHONG CẢNH QUÊ HƯƠNG BÁC

Phong cảnh vùng này quả thật là đẹp.

Hôm chúng tôi đứng trên núi Chung, nhìn sang bên trái là dòng sông Lam uốn khúc theo dãy núi Thiên Nhãn. Mặt sông hắt ánh nắng chiếu thành một đường quanh co trắng xóa. Nhìn sang bên phải là dãy núi Trác nối liền với dãy núi Đại Huệ xa xa. Trước mặt chúng tôi, giữa hai dãy núi, là nhà Bác với cánh đồng quê Bác.

Nhìn xuống cánh đồng, có đủ các màu xanh: xanh pha vàng của ruộng lúa, xanh rất mượt của lúa chiêm đương thời con gái, xanh đậm của những rừng tre, đây đó một vài cây phi lao xanh biếc và rất nhiều màu xanh khác nữa.

Cả cánh đồng thu gọn trong tầm mắt, làng nối làng, ruộng tiếp ruộng. Cuộc sống ở đây có một cái gì mận mà, ấm áp.

Theo HOÀI THANH
và THANH TÌNH

★ 1. Nhà Bác và cánh đồng quê Bác nằm giữa hai dãy núi đẹp. Đó là những dãy núi nào? (bên trái? bên phải?).

2. Dòng sông Lam trông cũng đẹp như thế nào? (hình dáng? ánh sáng? màu sắc?).

3. Kể những màu xanh khác nhau trên cánh đồng quê Bác?

4. Đặt câu với mỗi từ: xanh biếc, ấm áp.

5. Tìm các danh từ riêng trong bài. Xếp các từ đó theo thứ tự trong bảng chữ cái.

64. NẮNG BA ĐÌNH

(Học thuộc lòng)

Nắng Ba Đình mùa thu
Thấm vàng trên lăng Bác
Vẫn trong vát bầu trời
Ngây Tuyền ngôn độc lập

Ta đi trên quảng trường
Bâng khuâng như vẫn thấy
Nắng reo trên lễ đài
Có bàn tay Bác vẫy

Ấm lòng ta biết mấy
Ánh mắt Bác nheo cười
Lòng lòng một vòm trời
Sau mái đầu của Bác...

Trích NGUYỄN PHAN HÁCH



★ 1. Cảnh làng Bác về mùa thu có gì đẹp?

2. Đi trên quảng trường Ba Đình tác giả tưởng tượng như vẫn trông thấy Bác đứng trên lễ đài với những nét rất cụ thể. Những câu thơ nào cho em biết điều đó?

3. « Bàn tay Bác vẫy », « Ánh mắt Bác nheo cười », những hình ảnh này cho em biết tình cảm gì của Bác đối với nhân dân ta?

4. Đặt một câu với mỗi từ: trong vạt, vẫy.

65. KHÔNG CÓ NGỌN NÚI NÀO CAO HƠN

Trước nhà Ứn Xinh có dãy núi đá trông giống hình con ngựa. Núi rất cao. Chỉ có đám mây trắng buổi sáng, mây hồng buổi chiều là cưỡi ngựa được thôi.

Có lần Ứn Xinh hỏi Ứn Hào:

– Có ai cưỡi được con ngựa kia không?

Ứn Hào gật đầu và nói:

– Có Bác Hồ.

Thế rồi Ứn Hào kể lại câu chuyện đã được nghe ông kể: « Khắp bản mừng ta, Bác Hồ đã đi qua cả. Cái gậy Bác chống đã mòn gần hết



nhưng đôi chân Bác vẫn khỏe. Bác đã leo qua dãy núi đó».

Ừn Xinh nhớ mãi câu chuyện ấy. Không có ngọn núi nào cao hơn Bác được đâu.

Theo HỒNG TRANG

— Bản mường: làng mạc (của đồng bào miền núi).

★1. Trước nhà Ủn Xinh có dãy núi giống hình con gì?

2. Tại sao lại nói chỉ có mây cưỡi ngựa được thôi?

3. Câu «Cái gậy Bác chống đã mòn gần hết» ý nói gì?

4. (Học sinh khá và giỏi) Vì sao Ủn Xinh lại nghĩ: «Không có ngọn núi nào cao hơn Bác»?

5. Tìm từ gần nghĩa với từ «leo». Đặt một câu với mỗi từ đó.

66. HOA PHƯỢNG

(Bắt đọc thêm)

Hôm qua còn lấm tấm
Chen lấm màu lá xanh
Sáng nay bừng lửa thắm
Rừng rực cháy trên cành.

— «Bà ơi! Sao mà nhanh
Phượng mở nghìn mắt lửa
Cả dãy phố nhà mình
Một trời hoa phượng đỏ.

Hay đêm qua không ngủ

Chỉ gió quạt cho cây

Hay mặt trời ủ lửa

Cho hoa bừng hôm nay».

LÊ HUY HÒA

CHÍNH TÀ

Bài 1. Chính tà (nghe đọc): Phong cảnh quê hương Bác.

1. Bắt viết: «Hôm chúng tôi... quê Bác».

2. Viết đúng:

— Chung, Lam, Thiên Nhân, Trác, Đại Huệ.

— dòng, xóa — uốn, hát — dãy.

3. Luyện tập:

a) Viết những tên riêng có hai tiếng trong bài chính tà.

b) Điền vào chỗ trống:

— xóa hay xáo: tẩy..., ăn bát..., măng, trắng...

— uốn hay uống:..., công..., nước..., eo, ..., thuốc.

— dãy hay dài:..., núi..., phố..., thương, ..., yếm, đoạt...

Bài 2. Chính tà (trí nhớ): Tờ nước ta.

1. Bắt viết: cả bài.

2. Viết đúng:

— Hồng Bàng, Văn Lang, Phù Đổng.

— chưa, cứu — tuổi, mười — về.

3. Luyện tập:

a) Viết lại những tên địa lí trong bài theo thứ tự bảng chữ cái.

b) Điền vào chỗ trống:

- câu hay kiu: ... nước ... nhà, ngỗng kêu ... kiu.
- tuốt hay tụt: em lên bảy ...; đừng làm nó ... thân.
- vẻ hay vẽ: ... vang, vui ... , tranh ... , ong vò ...

TỪ NGỮ

BÁC HỒ

I - Những từ ngữ cần ghi nhớ:

- Chiến khu, nhà sàn, vườn cây, ao cá, quảng trường, lễ đài, Tuyên ngôn độc lập.
- Đơn sơ, giản dị, thương yêu, ân cần, quyền luyến.

II - Bài tập:

Điền từ ngữ thích hợp vào những chỗ trống:
Bác Hồ sống rất ... Hồi còn lãnh đạo cách mạng và kháng chiến ở Việt Bắc, Bắc sông và làm việc trên một căn ... mái tranh vách nứa. Kháng chiến thắng lợi, Bác về Thủ đô cũng chỉ sống và làm việc ở một ngôi nhà sàn Xung quanh nhà có ... do chính tay Bác chăm nom, vun trồng.

Bác Hồ rất ... các cháu thiếu nhi. Bác thường gửi thư ... thăm hỏi các cháu. Được đến thăm Bác, cháu nào cũng ... không muốn rời Bác.

Hàng năm cứ đến ngày mùng 2 tháng 9, nhân dân cả nước ta lại nhớ đến hình ảnh Bác Hồ đứng đọc ... trên ... ở ... Ba Đình chói chang ánh nắng mùa thu.

NGỮ PHÁP

Ôn tập DANH TỪ

1. Tìm 2 danh từ chung chỉ người.

— 2	—	loài vật
— 2	—	đồ vật
— 2	—	cây cối
— 2	—	hoa quả.

2. Danh từ riêng chỉ tên người phải viết như thế nào? Ví dụ?

3. Danh từ riêng chỉ tên địa lí (núi, sông, xã, huyện, tỉnh...) phải viết như thế nào? Ví dụ?

4. Tìm và viết:

1 danh từ riêng chỉ tên người.

1	—	sông.
1	—	núi.
1	—	huyện (hoặc quận).
1	—	tỉnh (hoặc thành phố).
1	—	một nước bạn.

TẬP LÀM VĂN

DÙNG TỪ ĐẶT CÂU

Đề bài: Dựa vào bài «Phong cảnh quê hương Bác», em hãy dùng mỗi từ ngữ sau đây đặt thành hai câu nói về quê hương Bác Hồ:

quê Bác, xanh, phong cảnh.

MỤC LỤC

Bài số	Tuần lễ	Phân môn	Tên bài	Trang
1	18	Tập đọc	Câu chuyện bó đũa	4
2	-	Học thuộc lòng	Hòn đá to	6
3	-	Tập đọc	Không sống riêng lẻ	7
4	-	Bài đọc thêm	Xe lu và xe ca	8
		Chính tả	Câu chuyện bó đũa	9
		-	Không sống riêng lẻ	10
		Từ ngữ	Thiếu nhi Đoàn kết	10
		Ngữ pháp	Danh từ	11
		Tập làm văn	Trả lời câu hỏi:	11
			Câu chuyện bó đũa	11
5	19	Tập đọc	Trên đường đến nhà lao	12
6	-	Học thuộc lòng	Chú bé liên lạc	13
7	-	Tập đọc	Ái can đảm	15
8	-	Bài đọc thêm	Làm cách nào dễ hơn	17
		Chính tả	Trên đường đến nhà lao	18
		-	Hòn đá to	19
		Từ ngữ	Thiếu nhi Dũng cảm	19
		Ngữ pháp	Danh từ (tiếp theo)	20
		Tập làm văn	Trả lời câu hỏi: Trên đường đến nhà lao	20
9	20	Tập đọc	Tủ sách của bạn Sặc	21
10	-	Học thuộc lòng	Trăng sao cũng hóa xù người	22
11	-	Tập đọc	Bức lịch	23
12	-	Bài đọc thêm	Có một lần	25

Bài số	Tuần lễ	Phân môn	Tên bài	Trang
13	20	Bài đọc thêm	Chiếc dao nông nấy	26
		Chính tả	Tủ sách của bạn Sặc	27
		-	Ái can đảm	27
		Từ ngữ	Thiếu nhi Chăm học	28
		Ngữ pháp	Danh từ (tiếp theo)	29
		Tập làm văn	Trả lời câu hỏi:	
			Tủ sách của bạn Sặc	30
14	21	Tập đọc	Làm việc thật là vui	31
15	-	Học thuộc lòng	Tí Xiu	33
16	-	Tập đọc	Sao chồi	34
17	-	Bài đọc thêm	Chế giễu người lười	36
18	-	Bài đọc thêm	Chuyện bé Châm	37
	21	Chính tả	Làm việc thật là vui	38
	-	-	Trăng sao cũng hóa xù người	38
		Từ ngữ	Thiếu nhi Chăm làm	39
		Ngữ pháp	Danh từ chung	
			Danh từ riêng	39
		Tập làm văn	Trả lời câu hỏi:	
			Sao chồi	40
19	22	Tập đọc	Hai con chim	41
20	-	Học thuộc lòng	Tiếng ru	43
21	-	Tập đọc	Con cáo và tò ong	44
22	-	Bài đọc thêm	Cái b gà	46
23	-	-	Nhân chú Phạm Tuấn	47
		Chính tả	Hai con chim	48
		-	Con cáo và tò ong	48
		Từ ngữ	Ôn tập chủ đề:	
			Thiếu nhi	49
		Ngữ pháp	Danh từ riêng	49
		Tập làm văn	Trả lời câu hỏi: Tí Xiu	50
24	23	Tập đọc	Phong cảnh đền Hùng	52

Bài số	Tuần lễ	Phân môn	Tên bài	Trang
25	23	Học thuộc lòng	Người trong một nước	54
26	-	Tập đọc	Voi Ba Triệu ra trận	54
27	-	Bài đọc thêm	Gò Đống Đa	56
		Chính tả	Phong cảnh đền Hùng	57
		-	Ti Xiu	57
		Từ ngữ	Dân tộc Việt Nam	58
		Ngữ pháp	Danh từ chung và danh từ riêng (tập theo)	59
		Tập làm văn	Trả lời câu hỏi: Phong cảnh đền Hùng	59
28	24	Tập đọc	Trần Quốc Toản ra quân	60
29	-	Học thuộc lòng	Việt Nam có Bắc	62
30	-	Bài đọc thêm	Một chiều hồ lịch sử	63
		Chính tả	Voi Ba Triệu ra trận	63
		-	Trần Quốc Toản ra quân	64
		Từ ngữ	Dân tộc Việt Nam (tập theo)	64
		Ngữ pháp	Ôn tập: Danh từ	65
		Tập làm văn	Trả lời câu hỏi: Trần Quốc Toản ra quân	65
31	25	Tập đọc	Đứng gác nơi biên giới	66
32	-	Học thuộc lòng	Chú hải quân	67
33	-	Tập đọc	Bộ đội đi trên Trường Sơn	69
34	-	Bài đọc thêm	Những cái chân	70
		Chính tả	Đứng gác nơi biên giới	71
		-	Người trong một nước	71
		Từ ngữ	Quân đội	72
		Ngữ pháp	Danh từ riêng.	73
		Tập làm văn	Cách viết hoa tên người	73
			Trả lời câu hỏi: Bộ đội đi trên Trường Sơn	73

Bài số	Tuần lễ	Phân môn	Tên bài	Trang
35	26	Tập đọc	Cái máy tuốt lúa	74
36	-	Học thuộc lòng	Chăm việc cấy cấy	75
37	-	Tập đọc	Danh cá đèn	76
38	-	Bài đọc thêm	Làm mưa	78
		Chính tả	Cái máy tuốt lúa	79
		-	Danh cá đèn	79
		Từ ngữ	Nông nghiệp	80
		Ngữ pháp	Cách viết hoa tên địa lí	81
		Tập làm văn	Dùng từ đặt câu	81
39	27	Tập đọc	Dân bè của anh Hồ Giáo	82
40	-	Học thuộc lòng	Trau ơi	84
41	-	Tập đọc	Phân xưởng gả con	85
42	-	Bài đọc thêm	Chị công nhân chăn bò	87
		Chính tả	Dân bè của anh Hồ Giáo	88
		-	Chăm việc cấy cấy	88
		Từ ngữ	Chăn nuôi	89
		Ngữ pháp	Ôn cách viết hoa danh từ riêng	90
		Tập làm văn	Dùng từ đặt câu	90
43	28	Tập đọc	Anh thợ dệt lò	91
44	-	Học thuộc lòng	Len cao	93
45	-	Tập đọc	Màu men cánh gián	94
46	-	Bài đọc thêm	Bác thợ xây vui tính	96
		Chính tả	Anh thợ dệt lò	97
		-	Màu men cánh gián	97
		Từ ngữ	Công nghiệp	98
		Ngữ pháp	Tập xếp tên người theo thứ tự bảng chữ cái	99
		Tập làm văn	Dùng từ đặt câu	99
47	29	Tập đọc	Cánh tay không lò	100
48	-	Học thuộc lòng	Em muốn lái máy bay	102
49	-	Tập đọc	Mẹ Thủy	104

Bài số	Tuần lễ	Phan môn	Tên bài	Trang
50	29	Bài đọc thêm	Đoàn tàu chở hàng	105
		Chính tả	Cánh tay không lờ	107
		-	Trau ơi	107
		Từ ngữ	Giao thông vận tải	108
		Ngữ pháp	Tập xếp tên người theo thứ tự bảng chữ cái (tiếp theo)	110
		Tập làm văn	Dùng từ đặt câu	110
51	30	Tập đọc	Ông bác sĩ già	111
52	-	Học thuộc lòng	Giọt mồ hôi	113
53	-	Tập đọc	Một buổi đi thăm đoàn địa chất	114
			Ai mạnh nhất trên đời	116
54	-	Bài đọc thêm	Ông bác sĩ già	118
		Chính tả	Một buổi đi thăm đoàn địa chất	118
		-	Ôn tập chủ đề:	
		Từ ngữ	Nhân dân ta	119
		Ngữ pháp	Tập xếp tên người theo thứ tự bảng chữ cái (tiếp theo)	119
		Tập làm văn	Dùng từ đặt câu	120
55	31	Tập đọc	Có những mùa đông	122
56	-	Học thuộc lòng	Nhớ ơn Bác Hồ	123
57	-	Tập đọc	Bác Hồ ở chiến khu	124
58	-	Bài đọc thêm	Một que diêm	126
		Chính tả	Có những mùa đông	127
		-	Em muốn lái máy bay	127
		Từ ngữ	Ôn tập cuối năm:	
			Nhà trường, gia đình	128
		Ngữ pháp	Tóm tắt cách xếp tên người theo thứ tự bảng chữ cái	129

Bài số	Tuần lễ	Phan môn	Tên bài	Trang
	31	Tập làm văn	Dùng từ đặt câu	129
59	32	Tập đọc	Thư của Chú Nguyễn	130
60	-	Học thuộc lòng	Tổ nước ta	132
61	-	Tập đọc	Quả táo của Bác Hồ	132
62	-	Bài đọc thêm	Bác rất thương loài vật	134
		Chính tả	Thư của Chú Nguyễn	135
		-	Bác Hồ ở chiến khu	136
		Từ ngữ	Ôn tập cuối năm:	
			Dất nước, Nhân dân	136
		Ngữ pháp	Ôn tập: Tiếng-Từ-Câu	137
		Tập làm văn	Dùng từ đặt câu	137
63	33	Tập đọc	Phong cảnh quê hương	
			Bác	138
64	-	Học thuộc lòng	Năng Ba Đình	139
65	-	Tập đọc	Không có ngọn núi nào cao hơn	141
			Hoa phượng	142
66	-	Bài đọc thêm	Phong cảnh quê hương	
		Chính tả	Bác	143
		-	Tổ nước ta	143
		Từ ngữ	Bác Hồ	144
		Ngữ pháp	Ôn tập: Danh từ	145
		Tập làm văn	Dùng từ đặt câu	145

thuongmaitruongxua.vn

TIẾNG VIỆT
LỚP HAI – TẬP HAI

In 200.000 bản khổ 13×19 tại Nhà máy in Sách Giáo Khoa
Số in 95 Số-XB. 148 – PTCS
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 1985